

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, để tồn tại và phát triển, doanh nghiệp phải sản xuất được nhiều sản phẩm, cung cấp được nhiều dịch vụ, tiêu thụ được nhanh và thu được nhiều lợi nhuận. Câu hỏi đặt ra cho các doanh nghiệp là phải làm sao để không ngừng nâng cao được lợi nhuận và có thể đứng vững trên thị trường đầy cạnh tranh. Một trong những biện pháp quan trọng mà doanh nghiệp quan tâm đến là đó là không ngừng tiết kiệm chi phí sản xuất, kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi tính toán, đo lường và ghi chép lập biểu đồ mọi hoạt động của doanh nghiệp để kịp thời có biện pháp khắc phục.

Để thực hiện điều này, một trong những công việc mà doanh nghiệp cần phải làm đó là tổ chức tốt công tác kế toán. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân”.

Nội dung khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận được kết cấu làm 3 chương:

**Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

**Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân**

**Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân**

Trong quá trình làm khóa luận, với sự hiểu biết và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khóa luận của em vẫn còn nhiều những sai sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin được chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo – Th.S Nguyễn Văn Thụ giảng viên khoa quản trị kinh doanh trường ĐH Dân Lập Hải Phòng đã giúp đỡ em trong quá trình làm khóa luận.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

## **CHƯƠNG 1 – NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

### **1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Chúng ta đang sống trong thời kỳ sôi động của nền kinh tế thị trường một xã hội lấy sản xuất của cải vật chất làm cơ sở để tồn tại và phát triển.

Trong nền kinh tế thị trường mục tiêu cuối cùng của các doanh nghiệp là hoạt động nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Lợi nhuận được tính bằng doanh thu trừ đi các khoản chi phí của doanh nghiệp. Để tăng lợi nhuận, các doanh nghiệp phải tìm cách tăng doanh thu, giảm chi phí, trong đó tăng doanh thu là một trong những biện pháp quan trọng để tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Để tăng doanh thu và quản lý một cách chặt chẽ, các doanh nghiệp phải biết sử dụng kế toán như là một công cụ quản lý quan trọng nhất và không thể thiếu được. Vì vậy, các doanh nghiệp cần thiết phải quan tâm đến công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Mọi hoạt động, mọi nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp đều phải được hạch toán để đi đến công việc cuối cùng là xác định kết quả kinh doanh.

Hiện nay, thông tin về kết quả kinh doanh là rất quan trọng, vì căn cứ vào đó các nhà quản lý mới có thể biết được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình có đạt được hiệu quả hay không và lãi lỗ như thế nào? Từ đó đưa ra được định hướng phát triển trong tương lai.

Với chức năng thu nhận, cung cấp và xử lý thông tin về các quá trình kinh tế - tài chính của doanh nghiệp, về tình hình tiêu thụ trên thị trường, từ đó kế toán giúp cho các nhà quản lý đưa ra được những quyết định đúng đắn và có

hiệu quả trong sản xuất, tiêu thụ và đầu tư tạo ra cho mình được một lợi thế cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

### **1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Doanh thu là nguồn thu quan trọng để doanh nghiệp bù đắp thu chi, trang trải cho số vốn đã bỏ ra như chi phí tiền lương, tiền thưởng cho người lao động, chi phí nguyên vật liệu đầu vào và thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước... Đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn đồng thời mở rộng sản xuất, tăng quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên kết liên doanh với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty con...

Trên góc độ tài chính, doanh thu là đòn bẩy kinh tế quan trọng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức phát triển sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Doanh thu cao nghĩa là quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ tốt góp phần làm tăng tốc độ chu chuyển vốn, làm cho đồng vốn kinh doanh không bị ứ đọng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển sản xuất tiếp theo.

Nếu doanh thu của doanh nghiệp không đủ để trang trải cho những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính, tình trạng này kéo dài doanh nghiệp sẽ không còn đủ sức để tồn tại và sẽ dẫn đến phá sản.

Trong quản lý tài chính ở các doanh nghiệp hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng vì nó là công cụ không thể thiếu được để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động về kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho yêu cầu quản lý tài chính Nhà nước và yêu cầu quản lý kinh doanh, bảo vệ tài sản, thực hiện hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp.

### **1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

#### **❖ Yêu cầu quản lý đối với doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Quản lý doanh thu là quản lý quá trình bán hàng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ. Yêu cầu đặt ra là phải quản lý kế hoạch và thực hiện kế hoạch tiêu thụ đối với từng thời kỳ, từng khách hàng và từng hợp đồng kinh tế.
- Phải giám sát chặt chẽ hàng hóa tiêu thụ trên tất cả các phương diện: số lượng và chất lượng.
- Phải quản lý chặt chẽ tình hình thanh toán của khách hàng, yêu cầu thanh toán đúng hình thức và thời gian, tránh mất mát ứ đọng vốn.
- Tránh hiện tượng mất mát, hư hỏng, tham ô, lãng phí, kiểm tra tính hợp lý của các khoản chi phí đồng thời phân bổ chính xác cho đúng hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

#### **❖ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Để đáp ứng tốt yêu cầu quản lý về tình hình tiêu thụ hàng hóa, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tính toán và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời khối lượng thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ. Vận dụng nguyên tắc giá phí và các phương pháp tính giá phù hợp để xác định chính xác giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả bán hàng.
- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin về tình hình

hiện có và sự biến động của thành phẩm, tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý thành phẩm trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.
- Phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản doanh thu, giảm trừ doanh thu và chi phí liên quan đến doanh thu của từng hoạt động. Đồng thời theo dõi đơn đốc thu hồi các khoản nợ phải thu với khách hàng.
- Tính toán xác định chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.
- Cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập báo cáo theo quy định của pháp luật.

## 1.2. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

### 1.2.1. Doanh thu và các loại doanh thu

- **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- **Doanh thu bán hàng hóa:** Là doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là bán trong kỳ kế toán của doanh nghiệp.
- **Doanh thu bán thành phẩm:** Là doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.
- **Doanh thu cung cấp dịch vụ:** Là doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

- **Doanh thu trợ cấp, trợ giá:** Là các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ theo yêu cầu của nhà nước.
- **Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư:** Là doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.
- **Doanh thu thuần:** Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.
- **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là doanh thu từ tiền tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đã được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt doanh thu đã thu được hay sẽ thu được tiền.
- **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.
- **Giá trị hợp lý:** Là giá trị tài sản có thể trao đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.
- **Thời điểm ghi nhận doanh thu:** Là thời điểm người mua chấp nhận thanh toán
- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- **Hàng bán bị trả lại:** Là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân thuộc về người bán.

### 1.2.2. Chi phí và các loại chi phí

- **Chi phí:** Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.
- **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.
- **Chi phí bán hàng:** Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Thuộc cho phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.
- **Chi phí hoạt động tài chính:** Là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...
- **Chi phí khác:** Là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản phạt, truy thu thuế...



### 1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

- **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và phụ
- **Hoạt động tài chính:** Là hoạt động đầu tư về vốn với mục đích kiếm lời (cho thuê hoạt động tài sản cố định, mua bán chứng khoán, mua bán ngoại tệ, lãi tiền gửi ngân hàng thuộc vốn kinh doanh, lãi cho vay thuộc các nguồn vốn và quỹ, lãi cổ phần...)
- **Hoạt động khác:** Là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp (nợ không ai đòi, thu về thanh lý TSCĐ, tài sản thừa không rõ nguyên nhân...)

### 1.3. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp

- **Bán hàng:** Là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào.

Các phương thức bán hàng:

- **Phương thức bán hàng trực tiếp:** Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.
- **Bán buôn:** Là hình thức bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại hoặc bán cho các doanh nghiệp sản xuất để tiếp tục sản xuất. Đặc điểm của phương thức bán hàng này là hàng hóa chưa đến tay người tiêu dùng. Giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện đầy đủ.
- **Bán lẻ:** Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay. Khách hàng chủ yếu là những cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua

hàng nhằm đáp ứng những nhu cầu trực tiếp của họ.

- **Phương thức gửi hàng:** Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thoả thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.
- **Phương thức bán thông qua đại lý:** Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán.
- **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quy định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán hàng trả chậm, trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.
- **Phương thức bán hàng đổi hàng:** Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

$$\text{Doanh thu sản phẩm đem trao đổi} = \text{Số lượng sản phẩm đem trao đổi} * \text{Giá vốn trên thị trường tại thời điểm thực hiện việc trao đổi}$$

## **1.4. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

### **1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu**

#### **1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng**

##### **❖ Khái niệm**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu

##### **❖ Nguyên tắc hạch toán**

- Thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:
  - ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
  - ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - ✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu VAT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.
- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu VAT hoặc chịu VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có VAT)

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK)
- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.
- Đối với doanh nghiệp nhận bán hàng qua đại lý thì doanh thu được ghi nhận là số tiền hoa hồng thực tế được hưởng không bao gồm số tiền thu về từ bán hàng.
- Đối với doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu là giá trả tiền một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp. Tiền lãi trả chậm, trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hàng kỳ.

#### ❖ Chứng từ, tài khoản sử dụng

- **Chứng từ:** Hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT-3LL, hóa đơn bán hàng thông thường mẫu số 02GTTT-3LL, phiếu xuất kho mẫu số 02-VT, phiếu thu mẫu số 01-TT, giấy báo có...
- **Tài khoản sử dụng:**

##### ✓ Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định là tiêu thụ trong kỳ. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng loại doanh thu.

##### **Kết cấu tài khoản 511.**

##### **Bên Nợ:**

- Số thuế TTĐB, hoặc thuế XK tính trên doanh thu bán trong kỳ;
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp;

- Các khoản chiết khấu thương mại, doanh thu hàng bán bị trả lại và khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

**Bên Có:**

- Tổng doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

*Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành:*

- Tài khoản 5111 – doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 – doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 – doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 – doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 – doanh thu kinh doanh bất động sản

✓ **Tài khoản 512 – doanh thu bán hàng nội bộ**

Dùng để phản ánh doanh thu của số hàng tiêu thụ trong nội bộ của doanh nghiệp. Kết cấu TK 512 tương tự TK 511.

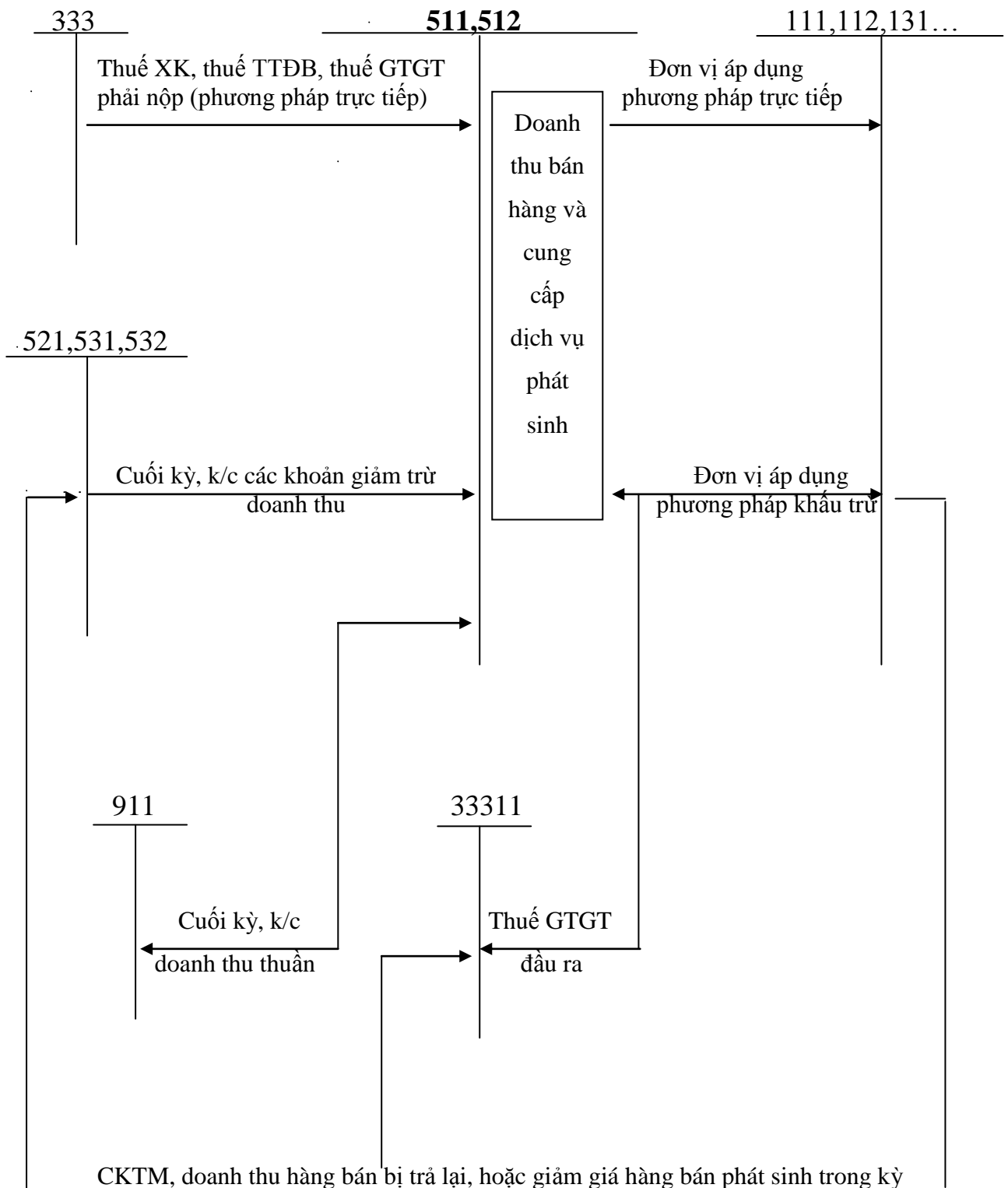
Tài khoản 512 phải được hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho từng đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng công ty hoặc Tổng công ty để lấy số liệu lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành:

- Tài khoản 5121 – doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5122 – doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123 – doanh thu cung cấp dịch vụ

❖ **Phương pháp hạch toán: Sơ đồ 1.1**

**Sơ đồ 1.1 – Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**



Doanh thu thuần được xác định:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Doanh thu thuần} & = & \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} & - & \text{Chiết khấu thương mại} & - & \text{Doanh thu hàng bán bị trả lại} & - & \text{Doanh thu hàng giảm giá} & - & \text{Thuế XK, thuế TTĐB phải nộp NSNN, thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)} \end{array}$$

#### 1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế TTĐB, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- **Chiết khấu thương mại:** Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua với số lượng và lớn theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.
- Chiết khấu thương mại chỉ được hạch toán khi nó được trừ ngoài hóa đơn.
- Chính sách chiết khấu thương mại phải được quy định rõ ràng trong quy chế tài chính của công ty và hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên.
- **Hàng bán bị trả lại:** Phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.
- + Chỉ phản ánh vào tài khoản này giá trị của số hàng đã bán nay đã bị trả lại và được tính theo đúng đơn giá bán đã ghi trên hóa đơn trước đây. Các chi phí phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được hạch toán vào Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** Phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng

bán là khoản giảm trừ cho người mua do những nguyên nhân thuộc về người bán.

+ Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn do hàng bán kém, mất phẩm chất...

– **Các khoản thuế được giảm trừ doanh thu:** Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế TTĐB.

❖ **Chứng từ, tài khoản sử dụng**

– Chứng từ: Hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT-3LL, phiếu chi mẫu số 02-TT, giấy báo có...

– Tài khoản:

✓ Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại

✓ Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại

✓ Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán

✓ Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

❖ **Kết cấu tài khoản 521,531,532**

**Bên Nợ:**

– Số chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán thực tế phát sinh trong kỳ.

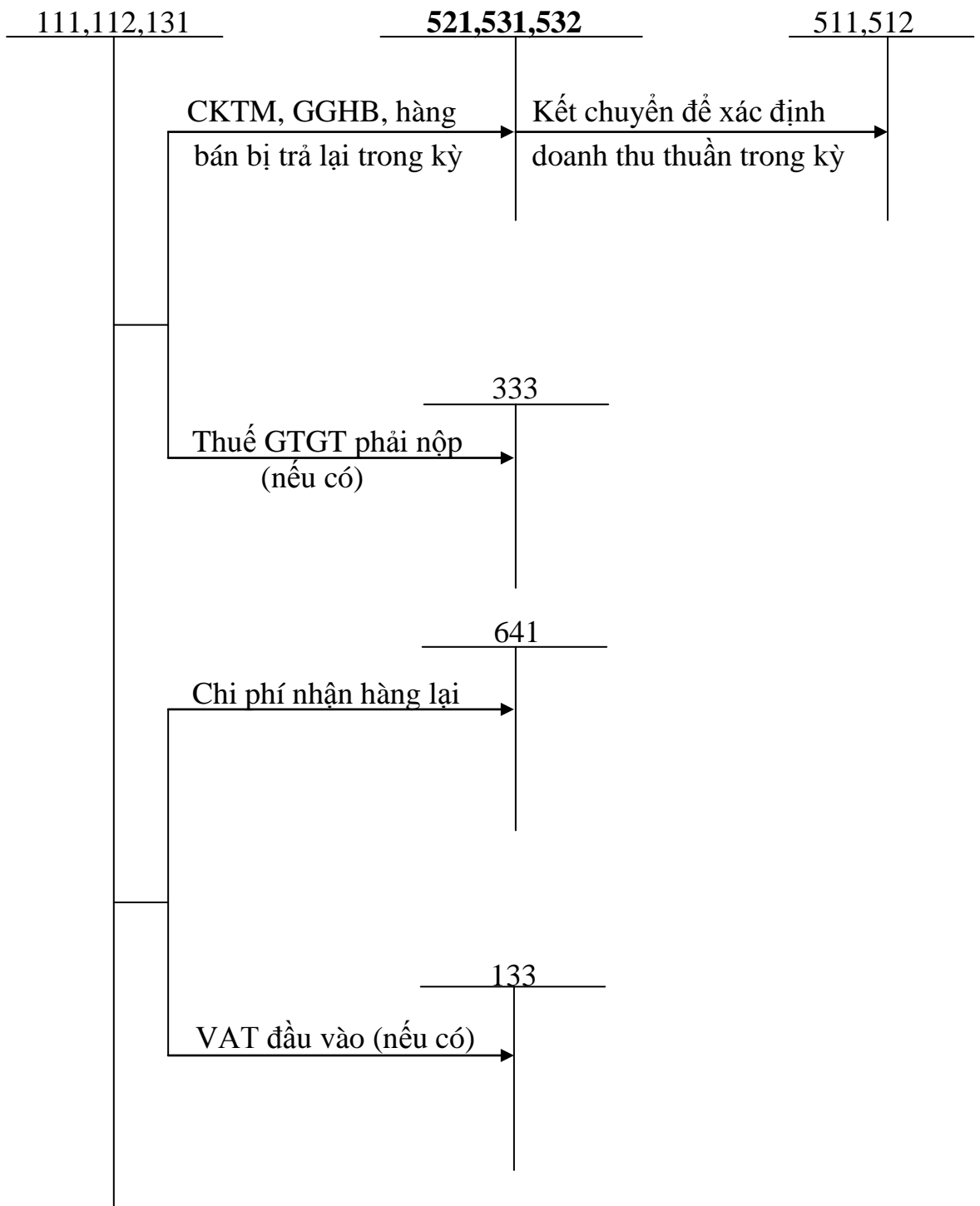
**Bên Có:**

– Kết chuyển các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán để xác định doanh thu thuần trong kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán: Sơ đồ 1.2**



**Sơ đồ 1.2 – Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**



## **1.4.2. Kế toán các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh**

### **1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán thanh lý bất động sản đầu tư...

Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho:

- Phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp nhập trước – xuất trước.
- Phương pháp nhập sau – xuất trước.
- Phương pháp thực tế đích danh.

#### **❖ Chứng từ, tài khoản sử dụng**

- Chứng từ: Phiếu xuất kho mẫu số 02-VT, bảng phân bổ nguyên vật liệu mẫu số 07-VT...
- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

**Kết cấu tài khoản 632****Bên Nợ:**

- Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Phản ánh CPNVL, CPNC vượt trên mức bình thường và CPSXC cố định không phân bổ.
- Phản ánh hao hụt, mất mát HTK sau khi trừ bồi thường người gây ra.
- Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ tự xây dựng, tự chế tạo.
- Phản ánh khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước.

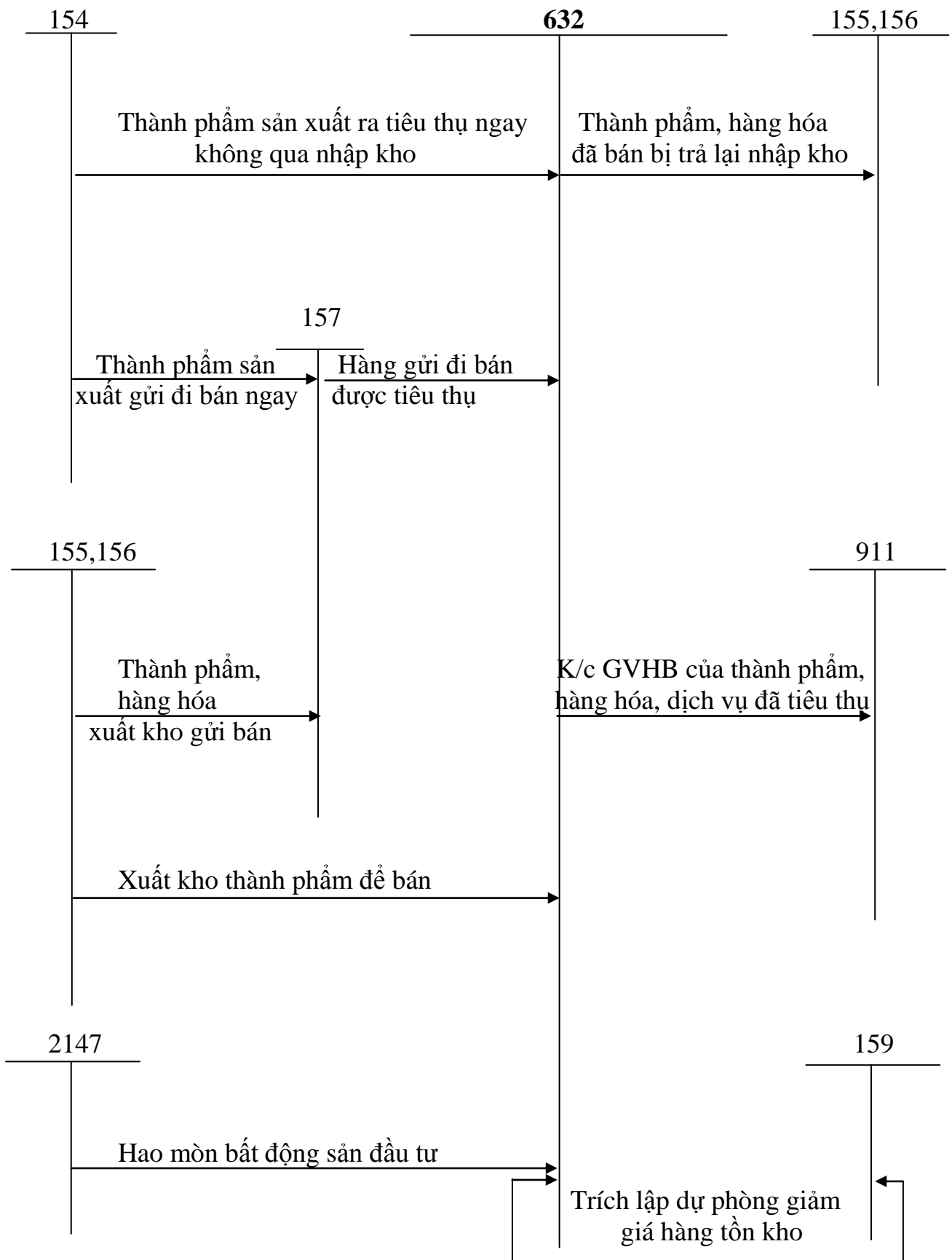
**Bên Có:**

- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối niên độ kế toán.
- Kết chuyển giá vốn hàng đã tiêu thụ trong kỳ sang tài khoản 911.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

**❖ Phương pháp hạch toán: Sơ đồ 1.3**

**Sơ đồ 1.3 – Kế toán giá vốn hàng bán**



### 1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

#### ❖ Chứng từ, tài khoản sử dụng

- Chứng từ: Hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT-3LL), phiếu chi (mẫu số 02-TT), giấy báo nợ, bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02-LĐTL), bảng phân bổ tiền lương và BHXH (mẫu số 11-LĐTL), bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06-TSCĐ),...
- Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng, tài khoản này được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:
  - ✓ Tài khoản 6411 – chi phí nhân viên
  - ✓ Tài khoản 6412 – chi phí vật liệu, bao bì
  - ✓ Tài khoản 6413 – chi phí dụng cụ, đồ dùng
  - ✓ Tài khoản 6414 – chi phí khấu hao TSCĐ
  - ✓ Tài khoản 6415 – chi phí bảo hành
  - ✓ Tài khoản 6417 – chi phí dịch vụ mua ngoài
  - ✓ Tài khoản 6418 – chi phí bằng tiền khác

#### ❖ Phương pháp hạch toán: Sơ đồ 1.4

### 1.4.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm:

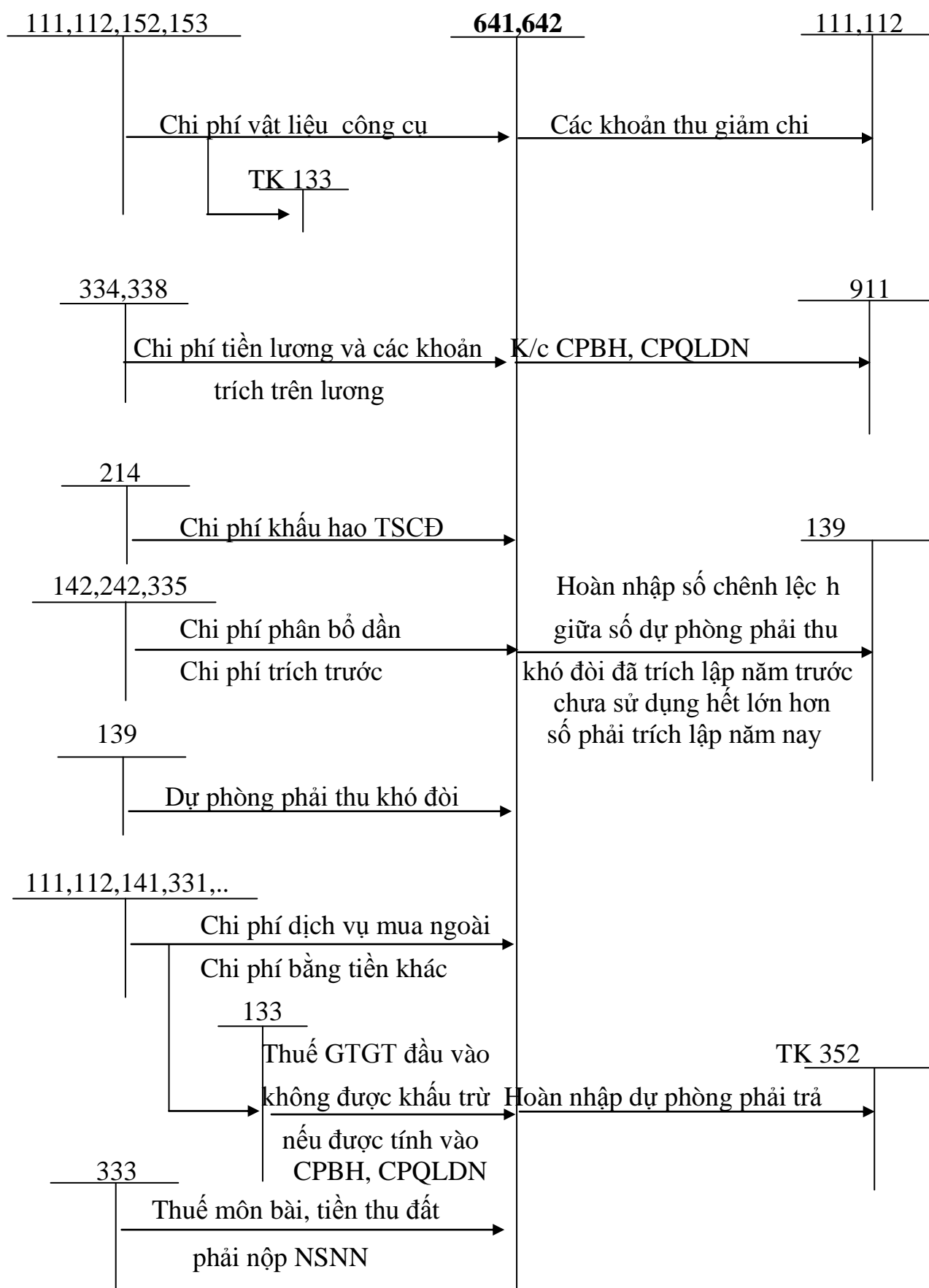
Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài; các chi phí bằng tiền khác.

#### ❖ Chứng từ, tài khoản sử dụng

- Chứng từ: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06-TSCĐ), , bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02-LĐTL), bảng phân bổ tiền lương và BHXH (mẫu số 11-LĐTL), phiếu chi (mẫu số 02-TT), giấy báo nợ TGNH, hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT-3LL),...
- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:
  - ✓ Tài khoản 6421 – chi phí nhân viên quản lý
  - ✓ Tài khoản 6422 – chi phí vật liệu quản lý
  - ✓ Tài khoản 6423 – chi phí đồ dùng văn phòng
  - ✓ Tài khoản 6424 – chi phí khấu hao TSCĐ
  - ✓ Tài khoản 6425 – thuế, phí và lệ phí
  - ✓ Tài khoản 6426 – chi phí dự phòng
  - ✓ Tài khoản 6427 – chi phí dịch vụ mua ngoài
  - ✓ Tài khoản 6428 – chi phí bằng tiền khác

#### ❖ Phương pháp hạch toán: Sơ đồ 1.4

**Sơ đồ 1.4 – Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**



### 1.4.3. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

#### 1.4.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**Doanh thu hoạt động tài chính gồm:**

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

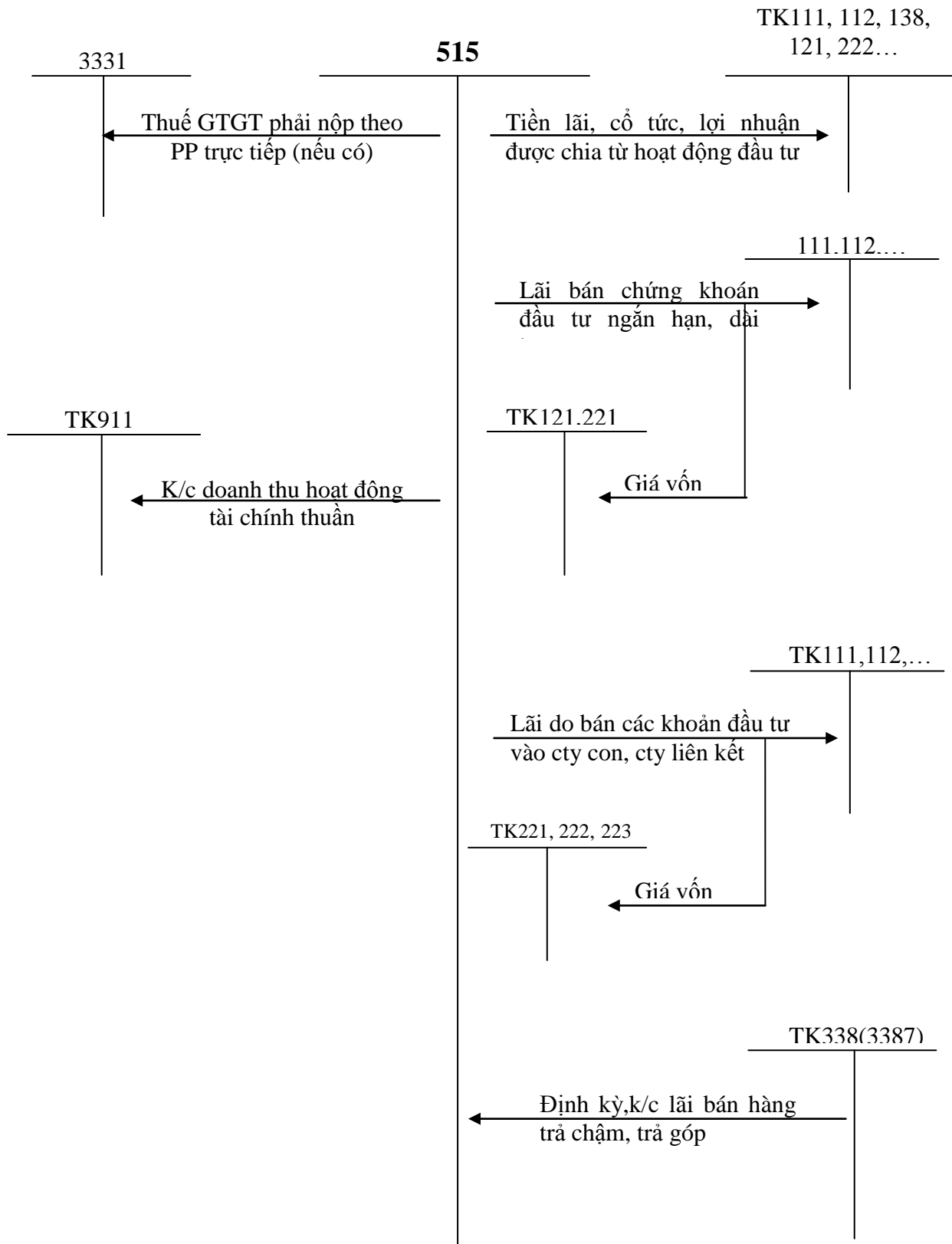
❖ **Chứng từ, tài khoản sử dụng**

- Chứng từ: phiếu thu (mẫu số 01-TT), giấy báo có...
- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

❖ **Phương pháp hạch toán: Sơ đồ 1.5**



**Sơ đồ 1.5 – Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



### 1.4.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

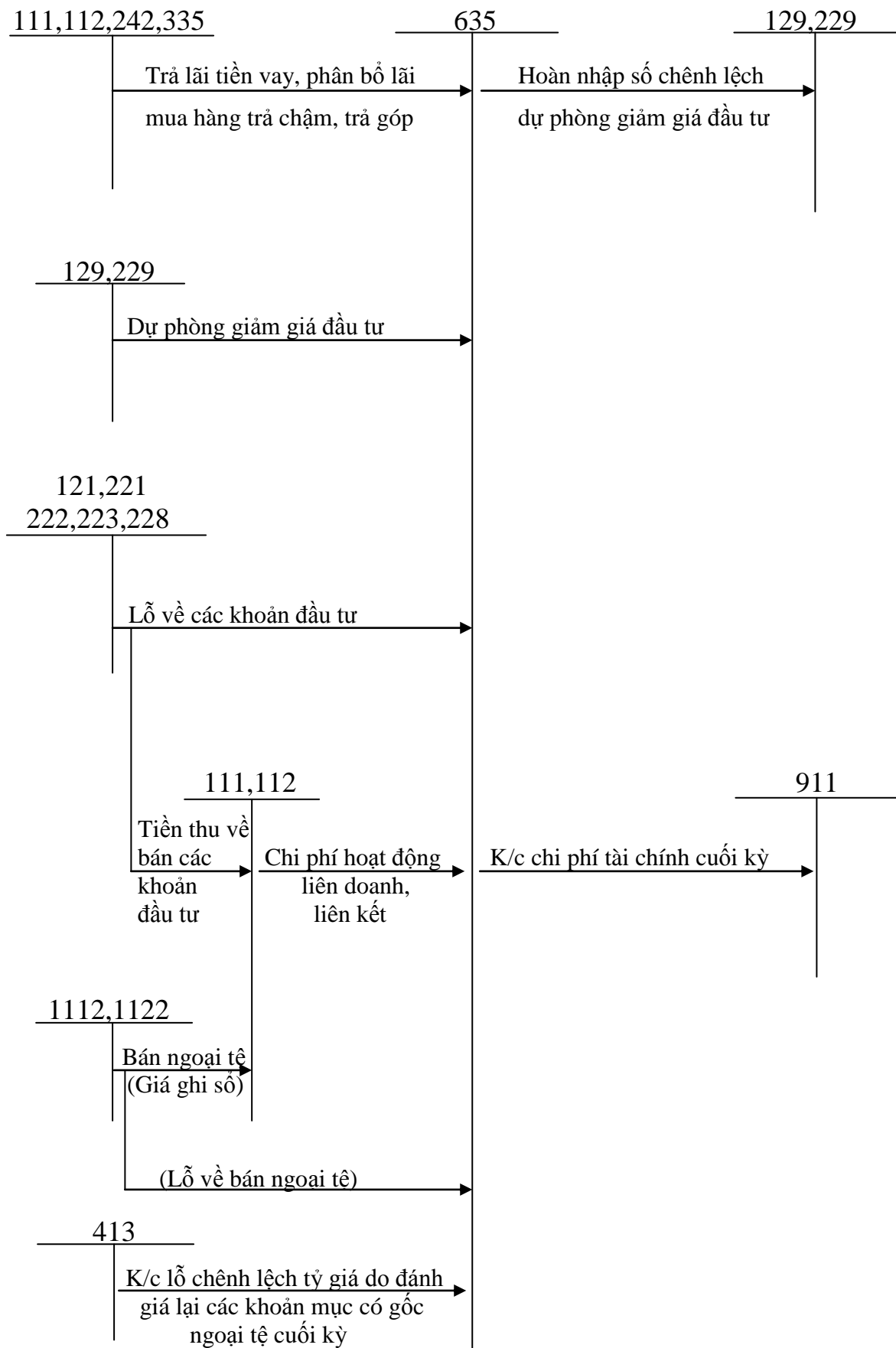
Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

❖ **Chứng từ, tài khoản sử dụng**

- Chứng từ: Phiếu chi (mẫu số 02-TT), giấy báo nợ TGNH...
- Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính. Tài khoản này được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí.

❖ **Phương pháp hạch toán: Sơ đồ 1.6**

**Sơ đồ 1.6 – Kế toán chi phí hoạt động tài chính**



#### 1.4.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

##### 1.4.4.1. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

**Các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:**

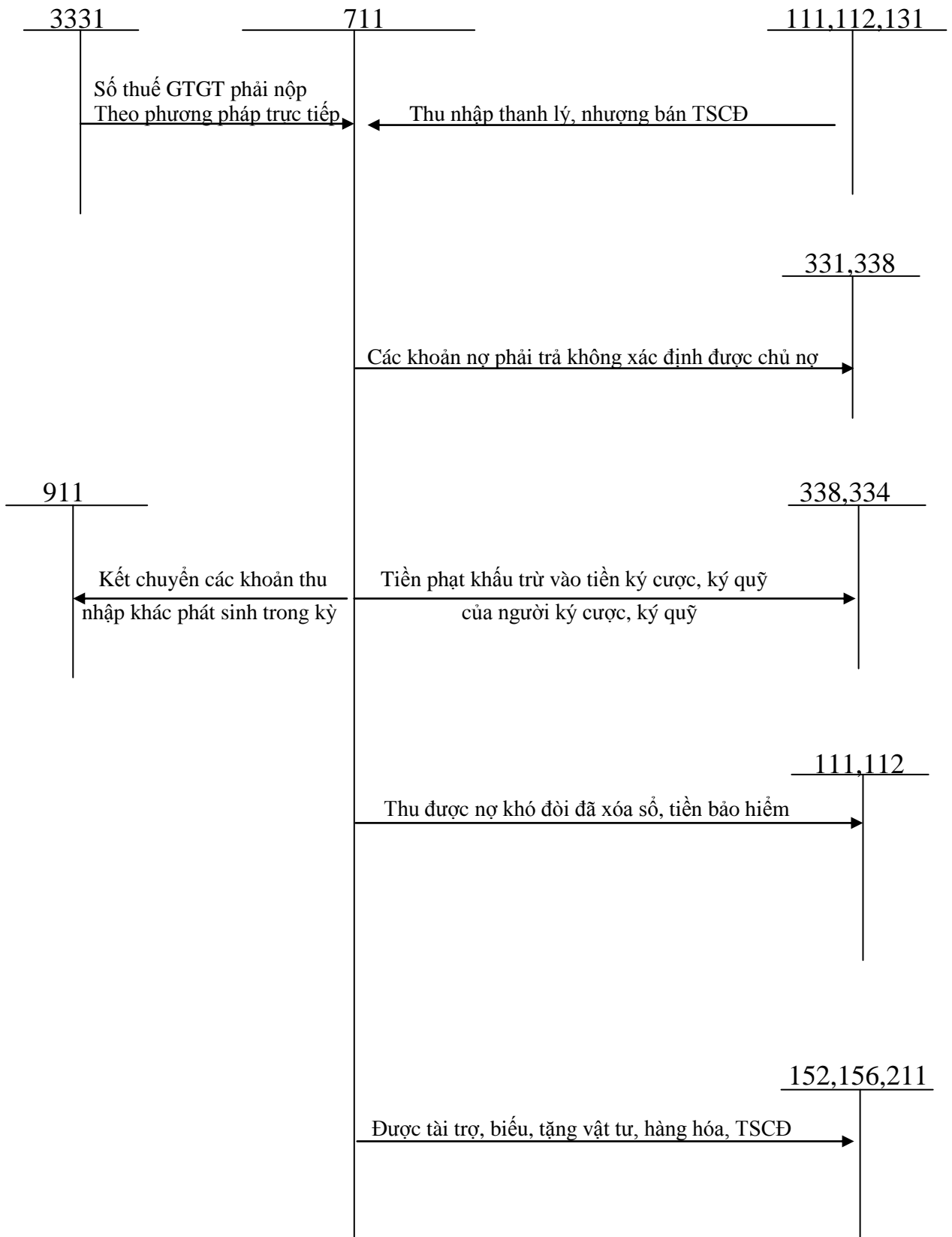
- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

**❖ Chứng từ, tài khoản sử dụng**

- Chứng từ: Hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT-3LL), phiếu thu (mẫu số 01-TT), giấy báo có TGNH...
- Tài khoản 711 – Thu nhập khác

**❖ Phương pháp hạch toán: Sơ đồ 1.7**

**Sơ đồ 1.7 – Kế toán thu nhập khác**



#### 1.4.4.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

**Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:**

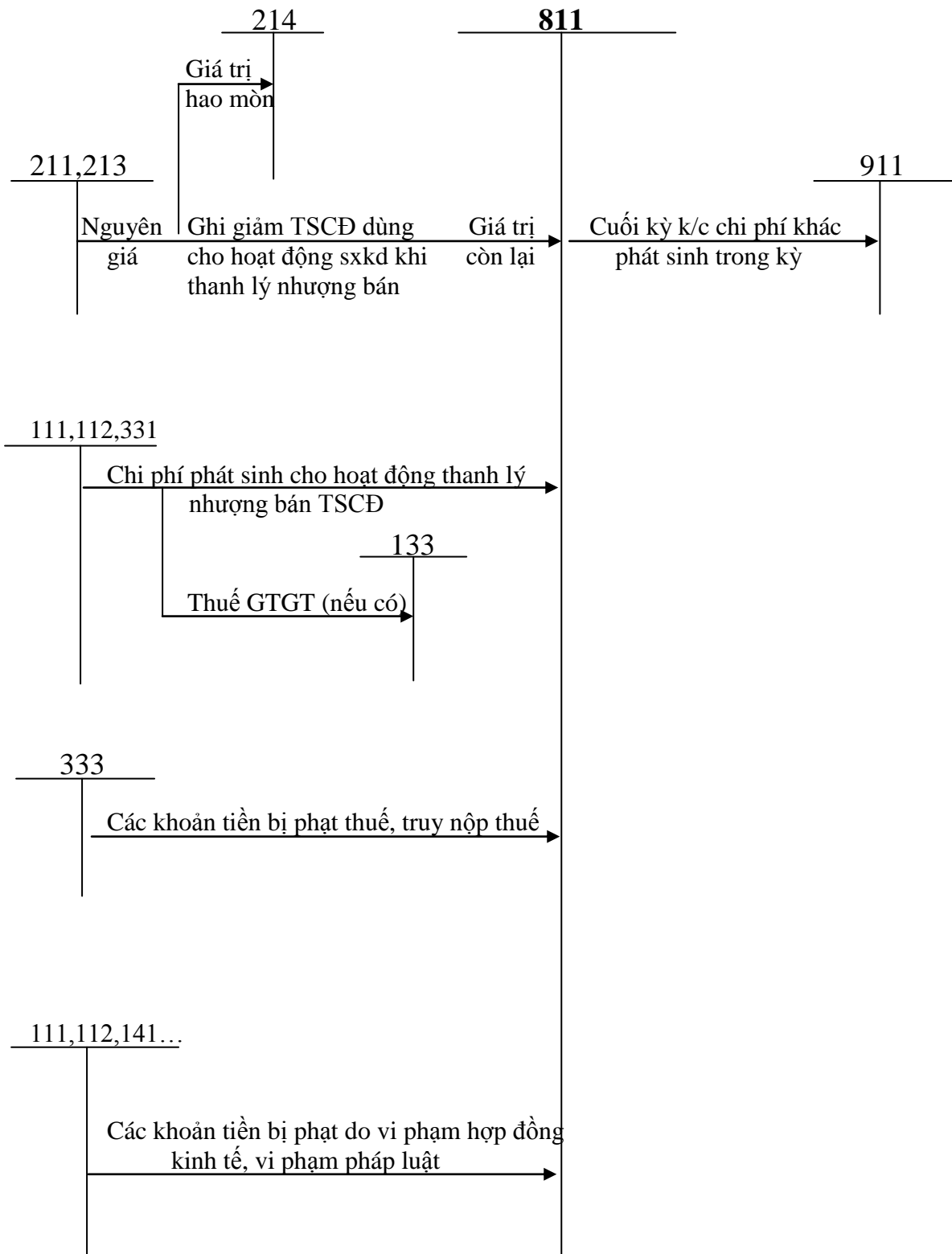
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chiênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

❖ **Chứng từ, tài khoản sử dụng**

- Chứng từ: phiếu chi (mẫu số 02-TT), giấy báo nợ TGNH, hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT-3LL),...

❖ **Phương pháp hạch toán: Sơ đồ 1.8**

**Sơ đồ 1.8 – Kế toán chi phí khác**



### 1.4.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong công ty trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu “lãi” hoặc “lỗ”.

#### ❖ Cách xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh = doanh thu thuần – giá vốn hàng bán + doanh thu hoạt động tài chính – chi phí tài chính – chi phí bán hàng – chi phí quản lý doanh nghiệp + thu nhập khác – chi phí khác.

$$\begin{array}{r} \text{Doanh} \\ \text{thu} \\ \text{thuần} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{bán hàng và} \\ \text{cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chiết} \\ \text{khấu} \\ \text{thương} \\ \text{mại} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giảm} \\ \text{giá} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Hàng} \\ \text{bán} \\ \text{bị trả} \\ \text{lại} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thuế} \\ \text{TTĐB,} \\ \text{thuế XK} \end{array}$$

#### ❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ hạch toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

#### **Kết cấu tài khoản 911**

##### **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác;
- Chi phí thuế TNDN;
- Kết chuyển lãi.

##### **Bên Có:**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;

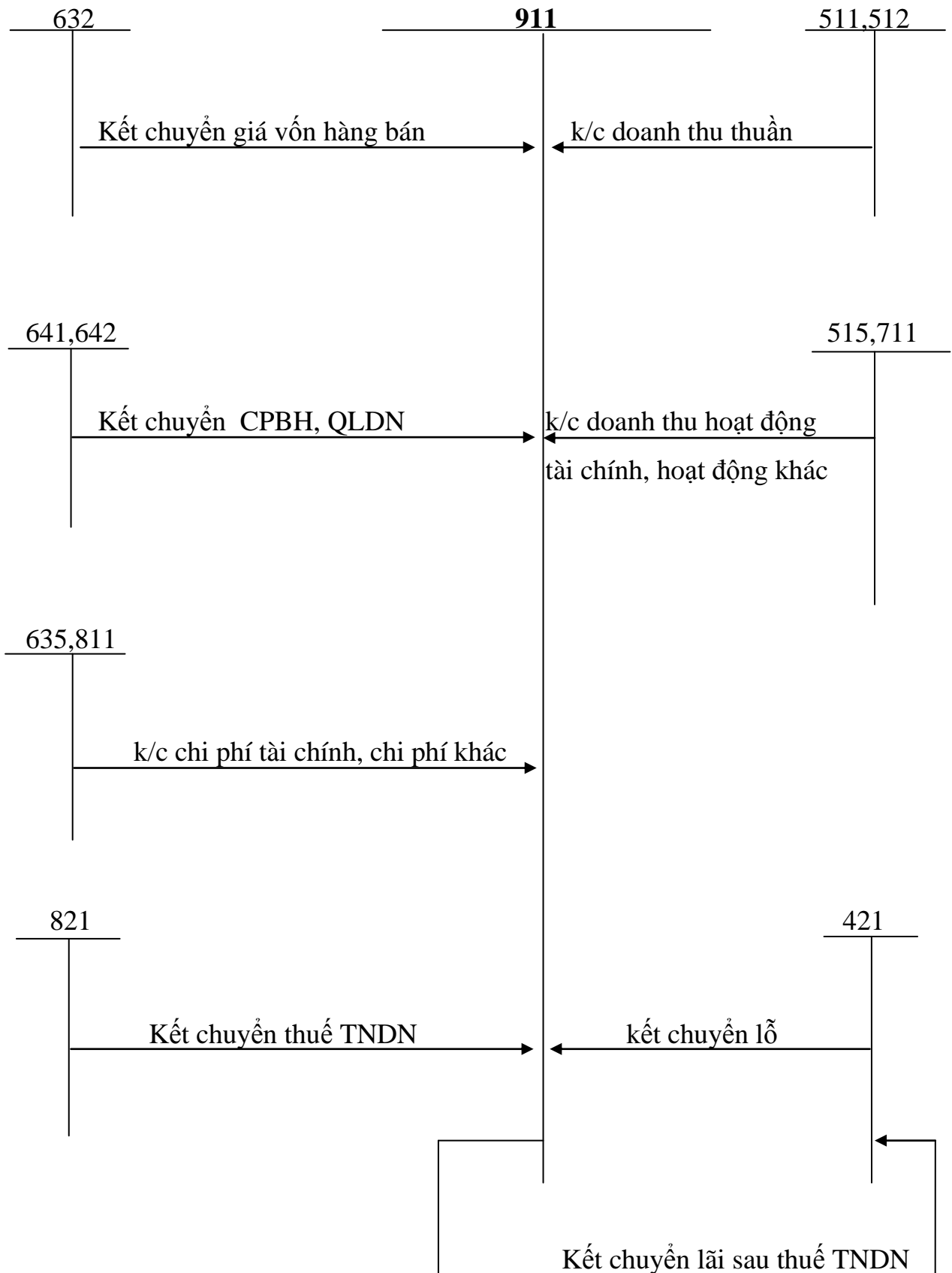


- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN;
- Kết chuyển lỗ.

**Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.**

**❖ Phương pháp hạch toán: Sơ đồ 1.9**

**Sơ đồ 1.9 – Kế toán xác định kết quả kinh doanh**



### 1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

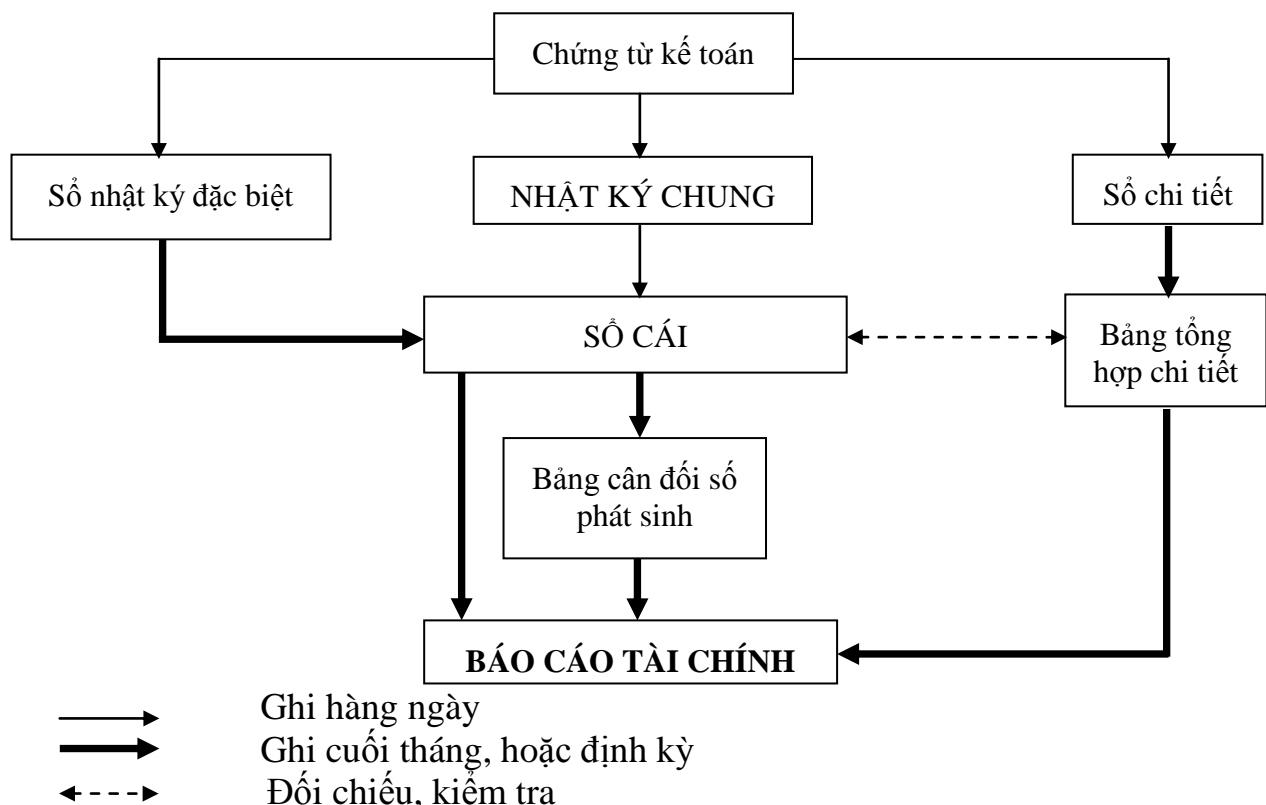
Hệ thống sổ sách kế toán, gồm: sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết:

- Sổ kế toán tổng hợp, gồm: Sổ Nhật ký-Sổ Cái, sổ Nhật ký chung, sổCái...
- Sổ kế toán chi tiết, gồm: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa; Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán; Sổ chi tiết bán hàng; Sổ chi tiết các tài khoản;...

**Các hình thức sổ kế toán, bao gồm:**

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái;
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung được mô tả qua sơ đồ sau:



## CHƯƠNG 2 – THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂN PHÚ XUÂN

### 2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân

- Tên công ty: Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân
- Tên tiếng anh: Tan Phu Xuan Cement Joint Stock Company
- Tài khoản ngân hàng: 32110000404054 Tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200160096
- Địa chỉ: Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng
- Điện thoại: 0313 673493
- Fax: 0313 673491

#### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân (trước đây là công ty TNHH Tân Phú Xuân) được khởi công xây dựng ngày 15 tháng 10 năm 1997, đến ngày 08 tháng 01 năm 1998 Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân chính thức được thành lập theo giấy phép 026 của UBND Thành phố Hải Phòng, cùng với tiến trình đổi mới và đi lên của đất nước Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân ngày càng trưởng thành và phát triển.

Năm 2002 công ty xây dựng và lắp đặt một trạm nghiền đá vôi với công suất 100m<sup>3</sup>/giờ. Bước đầu số lượng công nhân viên còn ít, trên 20 cán bộ công nhân viên chức lao động, với sự phát triển của công ty ngày càng hòa nhập với cơ chế phát triển kinh tế xã hội của đất nước và thành phố Hải Phòng trong nền kinh tế đa thành phần.

Năm 2003 công ty mạnh dạn bắt tay vào khảo sát thiết kế xây dựng nhà máy sản xuất xi măng với công suất 8,8 vạn tấn/năm.

Ngày 10 tháng 11 năm 2003 Liên đoàn lao động huyện Thủy Nguyên có quyết định số 14/QĐ/CD thành lập công đoàn công ty TNHH Tân Phú Xuân gồm 9 đồng chí, từ đó công đoàn công ty không ngừng phát triển đến nay 100% cán bộ công nhân viên công ty kết nạp tham gia hoạt động công đoàn.

Năm 2004 công ty đã cho ra mẻ clinker đầu tiên, nhà máy tiếp tục chuẩn bị vận hành công đoạn nghiền xi măng và đóng bao.

Ngày 23 tháng 11 năm 2006 công ty đã chính thức được cấp giấy chứng nhận TCVN ISO 9001:2000.

Ngày 05 tháng 01 năm 2008 công ty chính thức chuyển đổi từ công ty TNHH Tân Phú Xuân thành Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân theo giấy phép đăng ký kinh doanh 053757 Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng cấp ngày 08/01/1998.

Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân nằm trên địa bàn xã Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng. Là một trong 6 xã miền núi huyện Thủy Nguyên có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, nguồn nhân công lao động dồi dào. Về giao thông có sông Đá Bạch chảy qua rất thuận tiện cho việc vận chuyển bằng đường thủy.

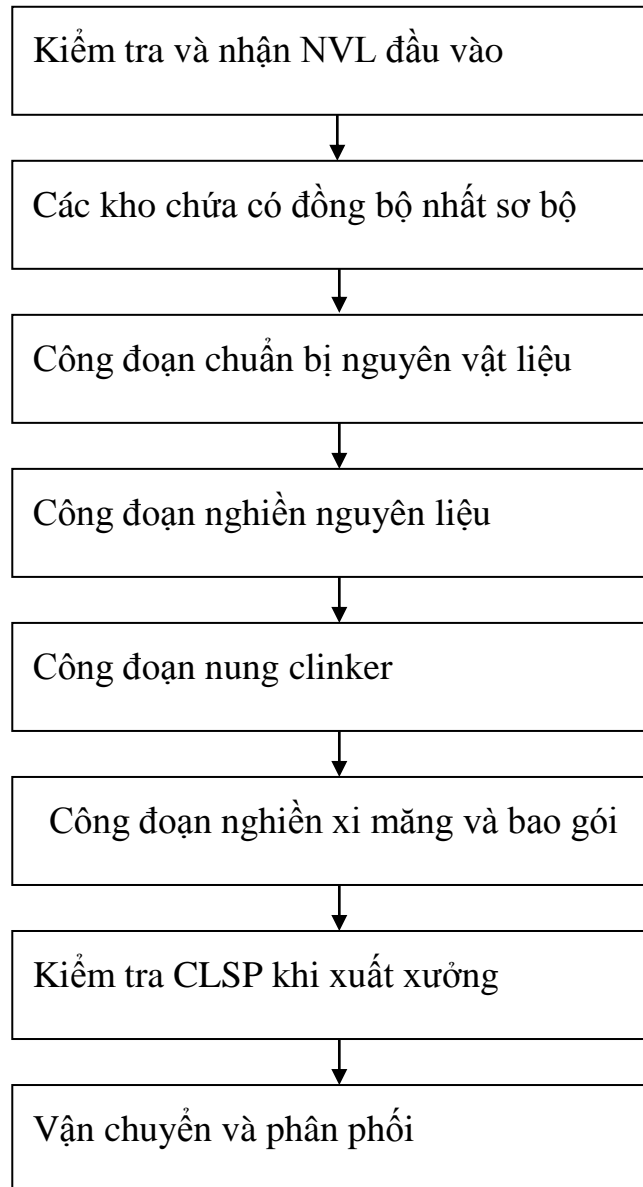
Bên cạnh những thuận lợi công ty vẫn còn tồn tại những khó khăn chủ yếu như: trên thị trường có nhiều đối thủ cạnh tranh lớn (Xi măng Hoàng Thạch, Chinfon, Hải Phòng mới, Phúc Sơn, Thăng Long, Hoàng Xuân...). Trình độ lao động có kỹ thuật cao chưa nhiều, đại đa số công nhân lao động trước đây là thuần nông nên tác phong công nghiệp chưa tốt....

### **2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh**

Là một công ty chuyên sản xuất và kinh doanh sản phẩm đá nghiền và xi măng phục vụ cho ngành xây dựng. Hiện nay sản phẩm của công ty sản xuất ra được khách hàng đánh giá có chất lượng cao, ổn định và có mức cạnh tranh đặc biệt là trong các dòng sản phẩm: Phụ gia xi măng và đá xây dựng ở các kích cỡ khác nhau.

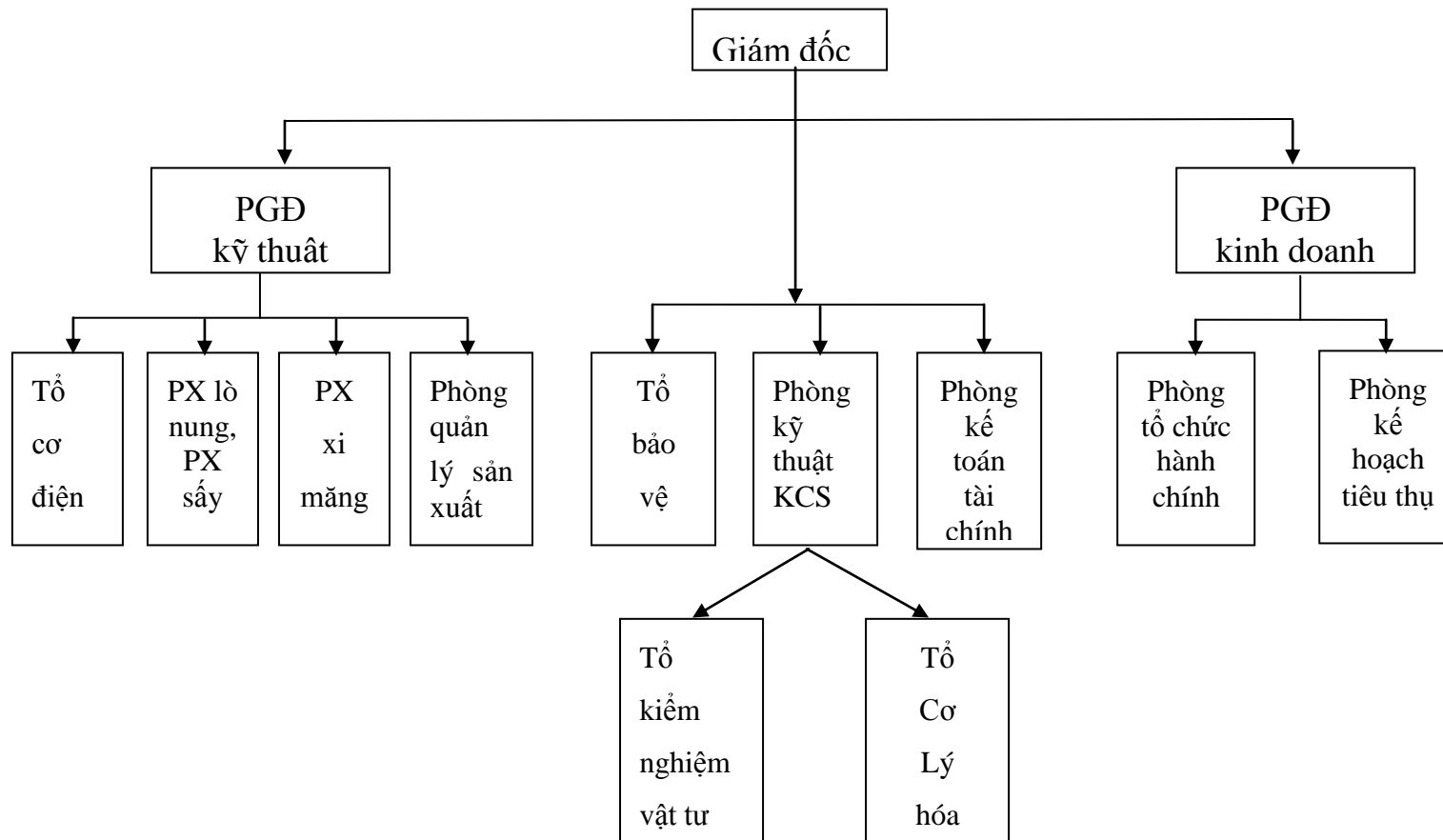
Để đứng vững và cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường công ty đã nghiên cứu và đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của khách hàng. Hiện nay, với quy trình công nghệ sản xuất xi măng lò đứng, một số dây chuyền tự động, quy trình sản xuất theo đúng công đoạn. Máy móc thiết bị được đầu tư cải tiến, cùng với sự lãnh đạo của bộ máy quản lý công ty và đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề để quản lý và kiểm tra ở các công đoạn sản xuất.

Sơ đồ quá trình sản xuất



2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂN PHÚ XUÂN





- **Ban giám đốc gồm có:**

+ **Giám đốc:** Là người đại diện của công ty trước pháp luật về mọi hoạt động điều hành trong công ty, phụ trách chung và trực tiếp chỉ đạo các phòng chức năng như phòng kế toán tài chính...

+ **Phó giám đốc:** Là người giúp việc cho giám đốc, chịu trách nhiệm trước giám đốc và pháp luật về các nhiệm vụ được giao.

- **Các phòng chức năng:**

+ **Phòng tổ chức hành chính:** báo cáo giám đốc hoặc phó giám đốc kinh doanh và chịu trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến hệ thống chất lượng tới toàn thể công nhân viên trong toàn công ty, tổ chức soạn thảo các văn bản của hệ thống chất lượng tới giám đốc, lập phương án tổ chức thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng của công ty trình giám đốc, thực hiện báo cáo về chất lượng, lưu giữ hồ sơ nhân sự của công ty, lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, thực hiện nhiệm vụ đào tạo...

+ **Phòng kỹ thuật KCS:** Kiểm tra chất lượng sản phẩm, giải quyết khiếu nại, tổ chức theo dõi về chất lượng sản phẩm.

+ **Phòng quản lý sản xuất :** Báo cáo phó giám đốc kỹ thuật và chịu trách nhiệm xây dựng quản lý quy trình kỹ thuật, quản lý hồ sơ sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải quyết khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm. Tổ chức thực hiện việc mua vật tư bảo quản cấp phát vật tư.

+ **Phòng kế hoạch tiêu thụ:** Báo cáo phó giám đốc kinh doanh và chịu trách nhiệm lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho khách hàng, điều hành các hoạt động bán hàng, theo dõi các sản phẩm trong kho, chủ trì giải quyết khiếu nại của khách hàng về chất lượng và dịch vụ, nghiên cứu việc duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ, trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của tổ.

+ **Phòng kế toán tài chính:** Báo cáo giám đốc hoặc phó giám đốc kinh doanh và chịu trách nhiệm thông tin kịp thời các chỉ tiêu về tài chính của sản

xuất cũng như các loại nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất. Tình hình thanh toán công nợ trả nợ, thông tin về các yêu cầu của khách hàng về cách thanh toán, chế độ thanh toán.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình cùng với sự thay đổi trong các văn bản của hệ thống chất lượng của Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân đã có những thay đổi, cải tiến về một cơ cấu tổ chức quản lý nhằm xây dựng một mô hình phù hợp và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

*Hiện nay cơ cấu tổ chức quản lý mà công ty đang áp dụng là cơ cấu trực tuyến tư vấn đây là một cơ cấu tổ chức có nhiều ưu điểm như:*

- Đảm bảo tính thống nhất của hoạt động quản trị.
- Giảm nhẹ công việc cho các nhà quản trị trực tuyến.
- Sử dụng được đội ngũ chuyên gia trong việc ra quyết định.

Việc áp dụng mô hình quản lý này công ty đã biết tận dụng những ưu điểm và khắc phục các hạn chế như tốc độ ra quyết định chậm... vì vậy đã đem lại cho công ty những thuận lợi như: công việc được chuyên môn hóa cao, cán bộ công nhân viên phát huy được năng lực sáng tạo đồng thời tích lũy được nhiều kinh nghiệm.

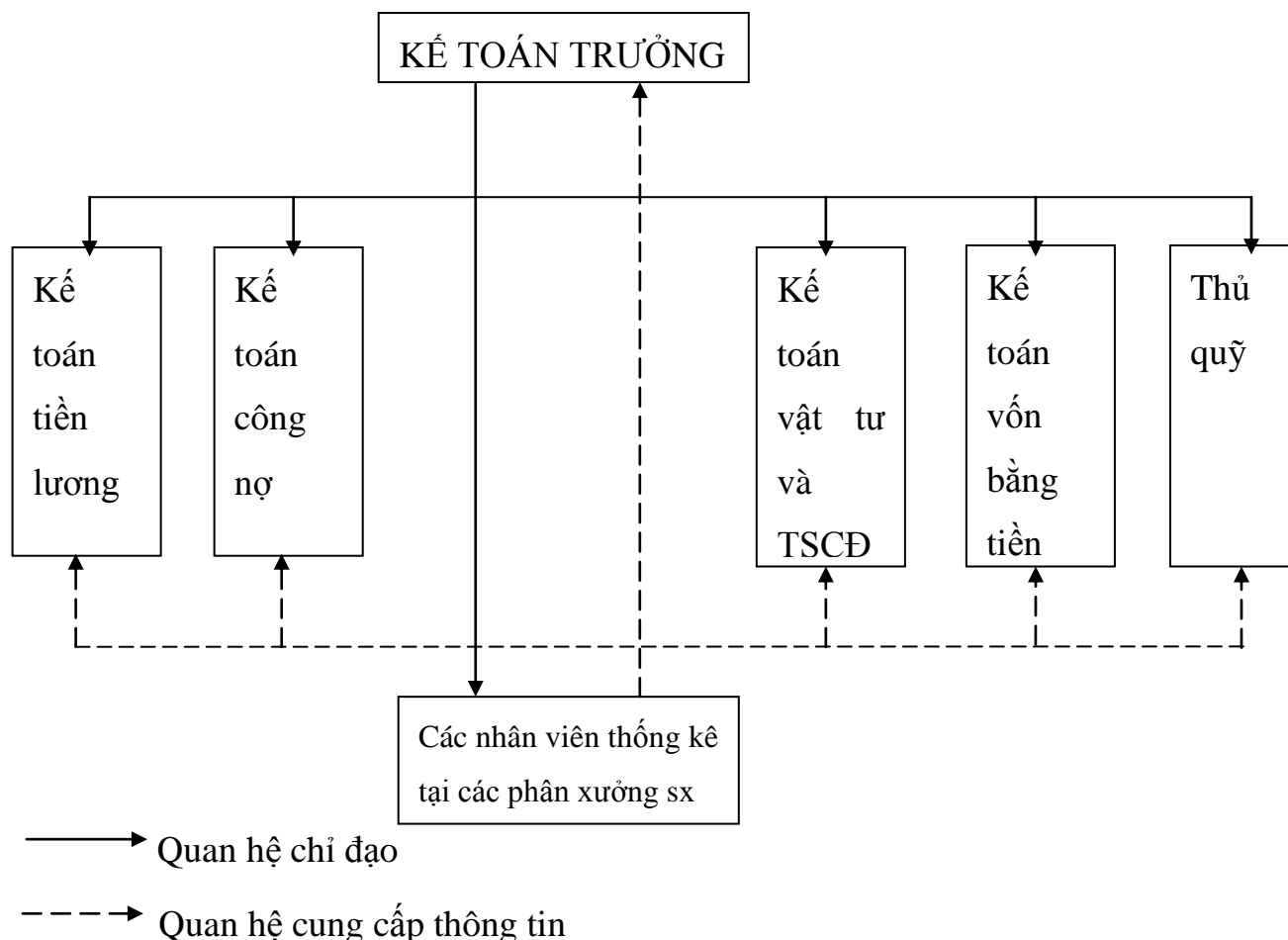
## **2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân**

### **2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

Căn cứ vào đặc điểm sản xuất kinh doanh phạm vi phân bố rộng công ty áp dụng hình thức kế toán tập trung. Theo mô hình này toàn công ty tổ chức một phòng kế toán làm nhiệm vụ tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo kế toán, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm tra công tác kế toán của toàn công ty. Tại các

phân xưởng, các tổ sản xuất có các nhân viên thống kê ghi chép những thông tin ban đầu tại đó và báo cáo về phòng kế toán.

**Mô hình tổ chức bộ máy kế toán:**



❖ **Kế toán trưởng**

- Là người giúp giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ nhân viên trong phòng kế toán cho phù hợp với năng lực và chuyên môn của từng người.
- Cùng các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm báo cáo và đề xuất kịp thời những vấn đề vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trên cơ sở báo cáo định kỳ của tất cả các đơn vị trong công ty có trách nhiệm kiểm tra, quyết toán, báo cáo kịp thời những vấn đề bất thường và tham mưu biện pháp xử lý.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của HĐQT.
- Thiết lập các mục tiêu định kỳ và kế hoạch thực hiện của phòng liên quan đến nghiệp vụ kế toán, hướng dẫn các nhân viên trong phòng thực hiện theo.
- Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính tổng hợp hàng năm( theo quy định của HĐQT) trình duyệt giám đốc Công ty trên cơ sở tổng hợp kế hoạch chi tiết của các đơn vị, phòng ban.
- Ký xác nhận các bảng chấm công, bảng thanh toán tiền công, tiền lương.

#### ❖ Kế toán tiền lương

- Hàng tháng, căn cứ vào kết quả hoạt động của các bộ phận, phòng ban, phân xưởng và đơn giá tiền lương để tính lương cho từng người.
- Tính tổng tiền lương, các khoản thu nhập khác của cán bộ công nhân viên và phân bổ cho các đối tượng sử dụng.
- Lập bảng thanh toán tiền lương cho từng bộ phận phòng ban, phân xưởng trong công ty.

#### ❖ Kế toán công nợ

- Theo dõi các khoản phải thu, phải trả và tình hình theo dõi công nợ của công ty.

#### ❖ Kế toán vật tư và TSCĐ

- Chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của hoá đơn và phiếu nhập, phiếu xuất của nguyên vật liệu.
- Căn cứ vào phiếu nhập, xuất kho, thẻ kho kế toán làm sổ tổng hợp nhập, xuất vật tư chi tiết theo từng đối tượng. Lập bảng phân bổ nguyên vật liệu và bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn vật tư.
- Quản lý, kiểm kê, đánh giá vật tư, nguyên liệu và TSCĐ của doanh nghiệp. Trích khấu hao TSCĐ.

- Mở sổ theo dõi tình hình biến động của các loại vật tư, nguyên liệu và TSCĐ.

#### ❖ **Kế toán vốn bằng tiền**

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ. Lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
- Cập nhật, theo dõi, báo cáo thường xuyên tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt. Cùng thủ quỹ lập biên bản kiểm kê tiền mặt hàng tuần.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ chuyển qua ngân hàng và chịu trách nhiệm làm thủ tục chuyển tiền. Cập nhật, theo dõi, báo cáo thường xuyên tình hình thu chi tiền gửi ngân hàng.
- Lập sổ theo dõi tài khoản tiền mặt và TGNH.

#### ❖ **Thủ quỹ**

- Chịu trách nhiệm mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ ở mọi thời điểm, đồng thời chịu trách nhiệm về số tồn quỹ và nội dung ghi trên sổ quỹ.
- Hàng ngày kiểm kê số tồn quỹ thực tế, đối chiếu sổ quỹ tiền mặt với tài khoản tiền mặt của kế toán vốn bằng tiền.
- Báo cáo kế toán trưởng về số tồn quỹ tiền mặt hàng ngày hoặc khi có yêu cầu. Quản lý, bảo quản tiền mặt. Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc.

### **2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân**

Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Hiện nay, công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập sau xuất trước.

Về TSCĐ công ty trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (đ).

Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ 01/01 kết thúc 31/12).

#### **2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán**

Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân sử dụng hệ thống tài khoản và các chứng từ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

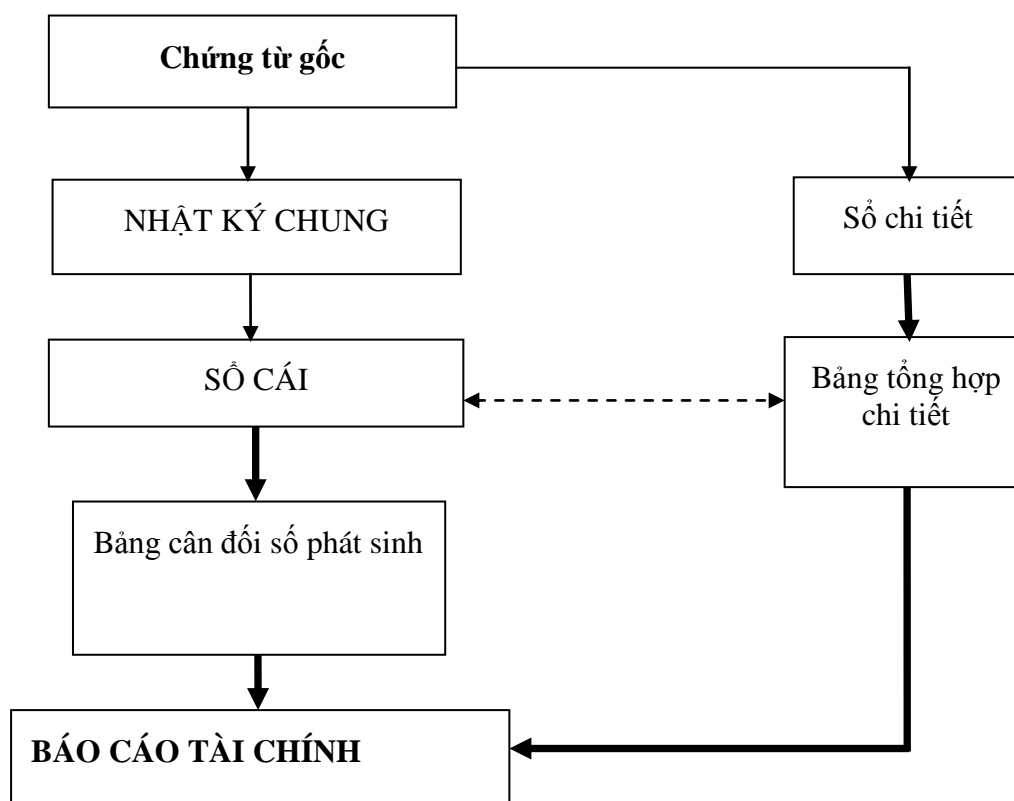
#### **2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân**

Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hạch toán kế toán Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Theo hình thức này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự phát sinh và định khoản của nghiệp vụ đó.

**Hệ thống sổ sách mà công ty đang sử dụng bao gồm:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**Trình tự ghi sổ của công ty được thể hiện theo sơ đồ sau:**



- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm)
- ←----→ Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc (phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi...) kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để vào các sổ cái liên quan.

Cuối tháng, cộng số liệu trên sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

### 2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán

Hệ thống báo cáo kế toán của công ty:

- Bảng cân đối kế toán B01-DN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh B02-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ B03-DN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính B09-DN
- Ngoài ra còn có các báo cáo khác như: Báo cáo thuế GTGT, báo cáo thuế TNDN,...

## 2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân

### 2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân

#### 2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm hàng hóa

Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân sản xuất xi măng PCB30 là loại xi măng dùng cho xây dựng dân dụng, những công trình nhỏ như nhà ở cấp 4. Ngoài ra Công ty còn sản xuất và bán các loại đá xây dựng như đá 1x2, đá 2x3...

#### 2.2.1.2. Các phương thức bán hàng tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân

Hiện nay, Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp. Theo phương thức này công ty có thể bán buôn với số lượng lớn hoặc bán lẻ cho khách hàng chủ yếu là những cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua hàng nhằm đáp ứng yêu cầu trực tiếp của họ.

Bán buôn là hình thức bán chủ yếu của Công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa. Theo hình thức này Công ty ký hợp đồng bán hàng với các Công ty khác, căn cứ vào hợp đồng Công ty xuất



hàng tại kho và viết hóa đơn GTGT cho khách hàng.

Hình thức bán lẻ cũng được thực hiện tại kho của Công ty vì Công ty hiện chưa có các cửa hàng bán lẻ. Khi khách lẻ có nhu cầu mua hàng nhân viên bán hàng sẽ viết hóa đơn GTGT, xuất hàng cho khách tại kho và viết phiếu thu tiền hàng.

Ngoài ra, Công ty còn bán hàng theo phương thức đại lý và phương thức bán hàng trả chậm, trả góp. Bán hàng qua đại lý là hình thức Công ty gửi hàng tại các đại lý, yêu cầu đại lý phải bán đúng giá theo giá mà Công ty đưa ra và được hưởng hoa hồng trên doanh số đại lý đã bán ra. Hình thức bán hàng trả chậm, trả góp là hình thức khi xuất hàng cho khách, khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng, phần còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quy định của hợp đồng.

Phương thức thanh toán tiền hàng được thỏa thuận thống nhất giữa hai bên. Tại công ty áp dụng phương thức thanh toán trực tiếp (thanh toán bằng tiền mặt và chuyển khoản) và phương thức thanh toán chậm trả (khách hàng mua chịu).

### 2.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng

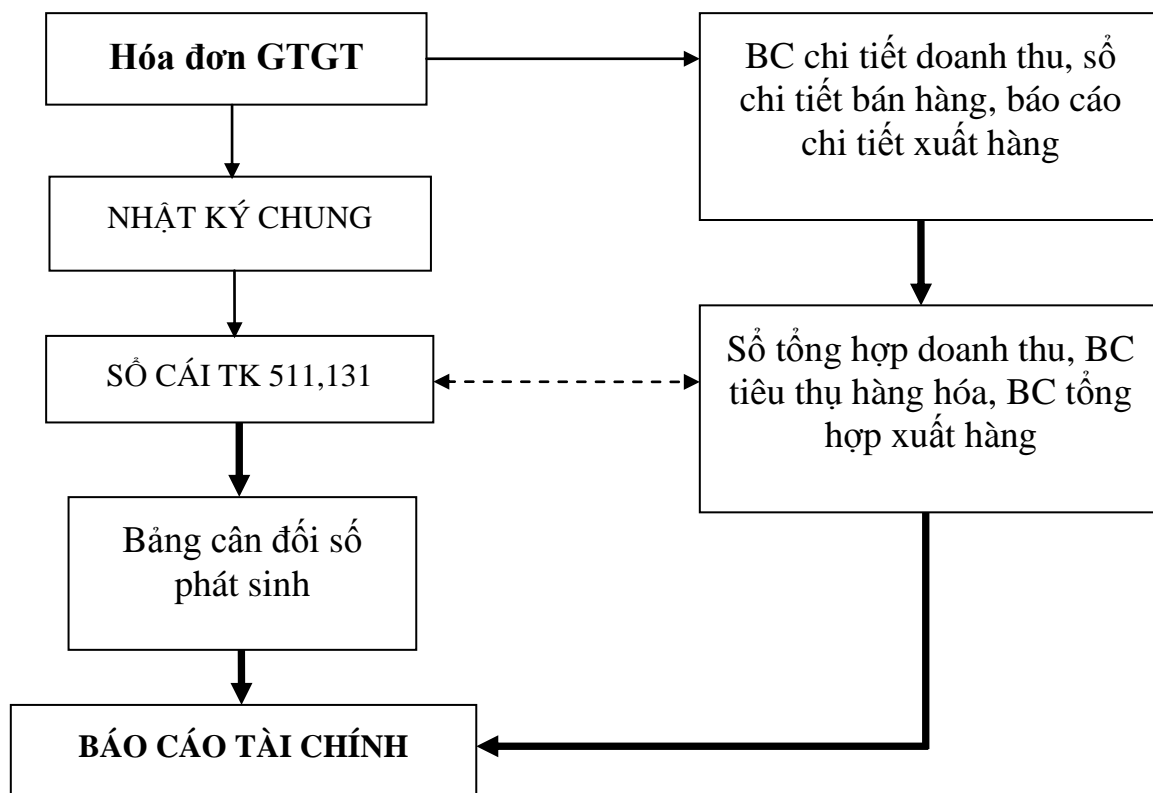
#### ❖ Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng.

- Chứng từ sử dụng: Lệnh xuất kho, phiếu xuất kho (mẫu số 01-VT), hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT-3LL), phiếu thu (mẫu số 01-TT), giấy báo có của ngân hàng...
- Tài khoản:
  - + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
    - Tài khoản 51121 – Doanh thu bán xi măng PCB30
    - Tài khoản 51122 – Doanh thu bán đá 1x2
    - Tài khoản 51123 – Doanh thu bán đá 2x3
    - Tài khoản 51124 – Doanh thu bán đá 3x4
    - Tài khoản 51125 – Doanh thu bán đá 4x6

- + Tài khoản 33311 – Thuế GTGT đầu ra
- + Tài khoản 111,112,131
- + Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Sổ sách: Sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 511,111,112,131...

❖ **Phương pháp hạch toán**

**Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu:**



- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ
- ←- - - -> Kiểm tra, đối chiếu

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, yêu cầu của khách hàng đối với Công ty về việc mua bán các sản phẩm của Công ty, căn cứ vào thời hạn giao hàng đã thỏa thuận, khi sản phẩm được xuất khỏi kho của Công ty và chuyển tới khách hàng thì số hàng này được coi là tiêu thụ và được khách hàng chấp nhận. Kế toán căn cứ vào số lượng thực xuất cho khách hàng để viết phiếu xuất kho và từ đó viết hóa đơn GTGT.

Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

- Liên 1 (màu tím): Liên gốc lưu tại quyền hóa đơn
- Liên 2 (màu đỏ): Giao cho khách hàng làm chứng từ đi đường và ghi sổ kế toán tại đơn vị khách hàng.
- Liên 3 (màu xanh): Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho để viết phiếu thu và phản ánh vào sổ kế toán.

**Ví dụ 1:** Ngày 11/12/2009 xuất kho 250 tấn xi măng bán cho cty TNHH Anh Tùng với giá bán chưa bao gồm thuế GTGT là 650.000đ/tấn, chưa thanh toán.

Căn cứ vào phiếu xuất kho và hóa đơn GTGT số 004890 kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.1) theo định khoản:

Nợ TK 131: 178.750.000

Có TK 51121: 162.500.000

Có TK 3331: 16.250.000

Đồng thời vào sổ chi tiết thanh toán với người mua (biểu số 2.2), sổ chi tiết doanh thu (biểu số 2.4). Sau đó, căn cứ vào số liệu trên Sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái các tài khoản 511 (biểu số 2.6) và các sổ Cái có liên quan như: 131,333. Cuối tháng từ số liệu trên sổ chi tiết phải thu của khách hàng kế toán lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng (biểu số 2.3) và từ số liệu trên sổ chi tiết doanh thu kế toán lập bảng tổng hợp doanh thu (biểu số 2.5).

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

*Liên 3 : Nội bộ*

*Ngày 11 tháng 12 năm 2009*

Mẫu số 01 GTKT-3LL

**ML/2009B**

**0048900**

Đơn vị bán hàng : Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân

Địa chỉ : Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Số tài khoản : 32110004054

Điện thoại: 0313 673493

MST : 0200160096

Họ tên người mua hàng: Trần Văn Hiếu

Tên đơn vị: Công ty TNHH Anh Tùng

Địa chỉ: An Sơn – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Số tài khoản: 45008925600

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

MST: 0200429903

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	$3=1 \times 2$
	Xi măng PCB30	Tấn	250	650.000	162.500.000
Cộng tiền hàng					162.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			16.250.000
Tổng cộng tiền thanh toán					178.750.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.					

**Người mua hàng**

**Người bán hàng**

**Thủ trưởng đơn vị**

**Biểu số 2.1**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
 Quý IV năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
11/12	X805 <b>HD489</b>	11/12	Bán xi măng cho công ty TNHH Anh Tùng	6321 155 <b>131</b> <b>5112</b> <b>3331</b>	145.797.750  <b>178.750.000</b>	145.797.750  <b>162.500.000</b> <b>16.250.000</b>
16/12	UT218  PC421	16/12	Thanh lý 01 máy cầu  Đã thanh toán 70% bằng TGNG  Chi phí thanh lý là 8.000.000đ	214 811 211 1121 131 711 3331 811 133 1111	732.070.714 292.828.286  242.725.000 104.025.000  8.000.000 800.000	1.024.899.000   312.500.000 31.250.000  8.800.000
17/12	PC426	17/12	Trả tiền thuê vận chuyển xi măng cho Công ty Cổ Phần Thương mại và dịch vụ Hoàng Phát	6417 133 1111	2.080.500 208.050	2.288.550
17/12	PC427	17/12	Chi phí tiếp khách	6428 133 1111	2.380.500 238.050	2.618.550
			.....			
31/12	UT226	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121 515	73.767	73.767
31/12	BB25	31/12	CKTM cho Công ty TNHH Anh Tùng	521 3331 131	10.030.000 1.003.000	11.033.000
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển CKTM	511 521	703.890.800	703.890.800
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>70.153.046.900</b>	<b>70.153.046.900</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.2**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**

*Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng*

**Mẫu số S31-DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản 131 – Phải thu của khách hàng

**Đối tượng: Công ty TNHH Anh Tùng**

Quý IV/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>301.015.800</b>	
			.....			
26/11	HD782	26/12	Bán 300 tấn xi măng PCB30	51121 3331	195.000.000 19.500.000	
			.....			
11/12	HD489	11/12	Bán 250 tấn xi măng PCB30	51121 3331	162.500.000 16.250.000	
			.....			
27/12	HD823	27/12	Bán 500m <sup>3</sup> đá 1x2	51122 3331	45.000.000 4.500.000	
			.....			
31/12	UT225	31/12	Công ty TNHH Anh Tùng trả 180.000.000 bằng chuyển khoản	1121		180.000.000
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>651.500.000</b>	<b>459.900.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>492.615.800</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.3**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**

*Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng*

**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản 131

Quý IV/2009

STT	Tên đối tượng	SDDK		Số phát sinh		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1.	Công ty TNHH Anh Tùng	301.015.800		651.500.000	459.900.000	492.615.800	
2.	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quang Huy	216.220.000		523.850.900	612.050.500	128.020.400	
3.	Công ty TNHH Toàn Thắng	50.903.400		112.250.600	105.850.500	57.303.500	
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	<b>Cộng</b>	<b>2.254.895.300</b>	<b>320.500.000</b>	<b>10.480.350.800</b>	<b>8.890.560.200</b>	<b>3.065.285.900</b>	<b>458.900.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Biểu số 2.4**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S38-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TK 511 (51121)**

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đối tượng: **Xi măng PCB30**

Quý IV/2009

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			.....			
11/12	HD489	11/12	Xuất kho 250 tấn xi măng PCB30 bán cho Công ty TNHH Anh Tùng	131	162.500.000	
14/12	HD493	14/12	Xuất kho 150 tấn xi măng PCB30 bán cho tàu HN-252	131	97.500.000	
15/12	HD494	15/12	Bán 300 tấn xi măng PCB30 cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quang Huy	1121	195.000.000	
16/12	HD495	16/12	Bán 200 tấn xi măng PCB30 cho tàu HN-278	131	130.000.000	
			.....			
26/12	HD822	26/12	Bán 300 tấn xi măng PCB30 cho Công ty TNHH Anh Tùng	131	195.000.000	
			.....			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>5.684.279.800</b>	<b>5.684.279.800</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Biểu số 2.5**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**

*Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng*

**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU**

Tài khoản 511

Quý IV/2009

STT	Tên sản phẩm	SDĐK		Số phát sinh		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Xi măng PCB30			5.684.279.800	5.684.279.800		
2	Đá 1x2			1.673.025.900	1.673.025.900		
3	Đá 2x3			2.187.900.300	2.187.900.300		
4	Đá 3x4			1.808.249.500	1.808.249.500		
5	Đá 4x6			1.701.418.500	1.701.418.500		
	<b>Tổng</b>			<b>13.054.874.000</b>	<b>13.054.874.000</b>		

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**Người ghi số**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.6**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Quý IV năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
11/12	HD489	11/12	Bán 250 tấn xi măng cho công ty TNHH Anh Tùng	1121		162.500.000
14/12	HD493	14/12	Xuất 500m <sup>3</sup> đá 1x2 cho tàu HP-309	131		45.000.000
14/12	HD494	14/12	Xuất 150 tấn xi măng cho tàu HN-252	131		97.500.000
			.....			
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển chiết khấu thương mại	521	703.890.800	
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	911	12.350.983.200	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>13.054.874.000</b>	<b>13.054.874.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi số**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

#### 2.2.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ

Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân có các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản chiết khấu thương mại cho khách hàng và các khoản hàng bán bị trả lại.

❖ **Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng**

- Chứng từ: Hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT-3LL), phiếu xuất kho (mẫu số 01-VT), phiếu nhập kho (mẫu số 01-VT), phiếu chi (mẫu số 02-TT),...
- Tài khoản: TK521, 531
- Sổ sách: Sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK521, 531.

❖ **Phương pháp hạch toán**

Cuối mỗi tháng Công ty lập biên bản xác định số chiết khấu thương mại với khách hàng. Căn cứ vào những biên bản đó kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào các sổ chi tiết. Từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK 521,3331 và các sổ Cái các tài khoản liên quan khác.

**Ví dụ 2:** 31/12/2009 kế toán lập biên bản xác định chiết khấu thương mại tháng 12 cho Công ty TNHH Anh Tùng.

Từ biên bản xác định chiết khấu thương mại (BB25) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.1) theo định khoản:

Nợ TK 521: 10.030.000

Nợ TK 3331: 1.003.000

Có TK 131: 11.033.000

Từ Sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK 521 (biểu 2.7).

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



## **BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI**

**Số: BB25**

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 159/HĐKT ngày 03 tháng 12 năm 2009.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT bán hàng tập hợp trong tháng 12 năm 2009 cho Công ty TNHH Anh Tùng.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2009 hai bên cùng nhau tiến hành xác định khoản chiết khấu thương mại tháng 12 năm 2009 mà Công ty TNHH Anh Tùng được hưởng. Thành phần bao gồm:

**Bên A:** Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân - Bên chiết khấu.

Đại diện:

- Ông Trần Văn Cường – Giám đốc
- Bà Vũ Thị Tươi – Kế toán trưởng
- Ông Nguyễn Đức Tuyên – Nhân viên phòng kinh doanh.

Tài khoản: 45008925600

MST: 0200429903

Địa chỉ: Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Bên B:** Công ty TNHH Anh Tùng – Bên hưởng chiết khấu.

Đại diện:

- Ông Nguyễn Văn Hùng – Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Oanh – Kế toán trưởng.

Tài khoản: 3211004054

MST: 0200160096

Địa chỉ: An Sơn – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Hai bên cùng nhau tính toán và xác định tính đến thời điểm 31/12/2009 tổng tiền hàng bao gồm cả VAT mà Công ty TNHH Anh Tùng đã mua của Công

ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân là 370.660.000đ. Căn cứ vào chính sách chiết khấu của Công ty, kế toán đã tính ra số tiền chiết khấu thương mại cho Công ty TNHH Anh Tùng là 11.033.000đ (bao gồm cả VAT).

Biên bản được lập thành hai bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản.

**Công ty Cổ phần Xi măng  
Tân Phú Xuân**

**Công ty TNHH  
Anh Tùng**

**Biểu số 2.1**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
 Quý IV năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
11/12	X805 HD489	11/12	Bán xi măng cho công ty TNHH Anh Tùng	6321 155 131 51121 3331	145.797.750 178.750.000	145.797.750 162.500.000 16.250.000
16/12	UT218 PC421	16/12	Thanh lý 01 máy cầu  Đã thanh toán 70% bằng TGNG  Chi phí thanh lý là 8.000.000đ	214 811 211 1121 131 711 3331 811 133 1111	732.070.714 292.828.286 242.725.000 104.025.000 8.000.000 800.000	1.024.899.000 312.500.000 31.250.000 8.800.000
17/12	PC426	17/12	Trả tiền thuê vận chuyển xi măng cho Công ty Cổ Phần Thương mại và dịch vụ Hoàng Phát	6417 133 1111	2.080.500 208.050	2.288.550
17/12	PC427	17/12	Chi phí tiếp khách	6428 133 1111	2.380.500 238.050	2.618.550
			.....			
31/12	UT226	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121 515	73.767	73.767
31/12	BB25	31/12	CKTM cho Công ty TNHH Anh Tùng	521 3331 131	10.030.000 1.003.000	11.033.000
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển CKTM	511 521	703.890.800	703.890.800
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>70.153.046.900</b>	<b>70.153.046.900</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.7**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
*Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng*

**Mẫu số S03b-DN**  
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chiết khấu thương mại

Số hiệu: 521

Quý IV năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
15/12	BB15	15/12	Chiết khấu thương mại cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quang Huy tháng 12	131	1.718.182	
16/12	BB16	16/12	Chiết khấu thương mại cho Công ty TNHH Hòa Bình tháng 12	131	2.350.900	
			.....			
31/12	BB25	31/12	Chiết khấu thương mại cho Công ty TNHH Anh Tùng tháng 12	131	10.030.000	
31/12	BB26	31/12	Chiết khấu thương mại cho công ty TNHH Quang Thái Quý IV	131	3.636.364	
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển xác định doanh thu thuần	511		703.890.800
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>703.890.800</b>	<b>703.890.800</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi số**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

### 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân

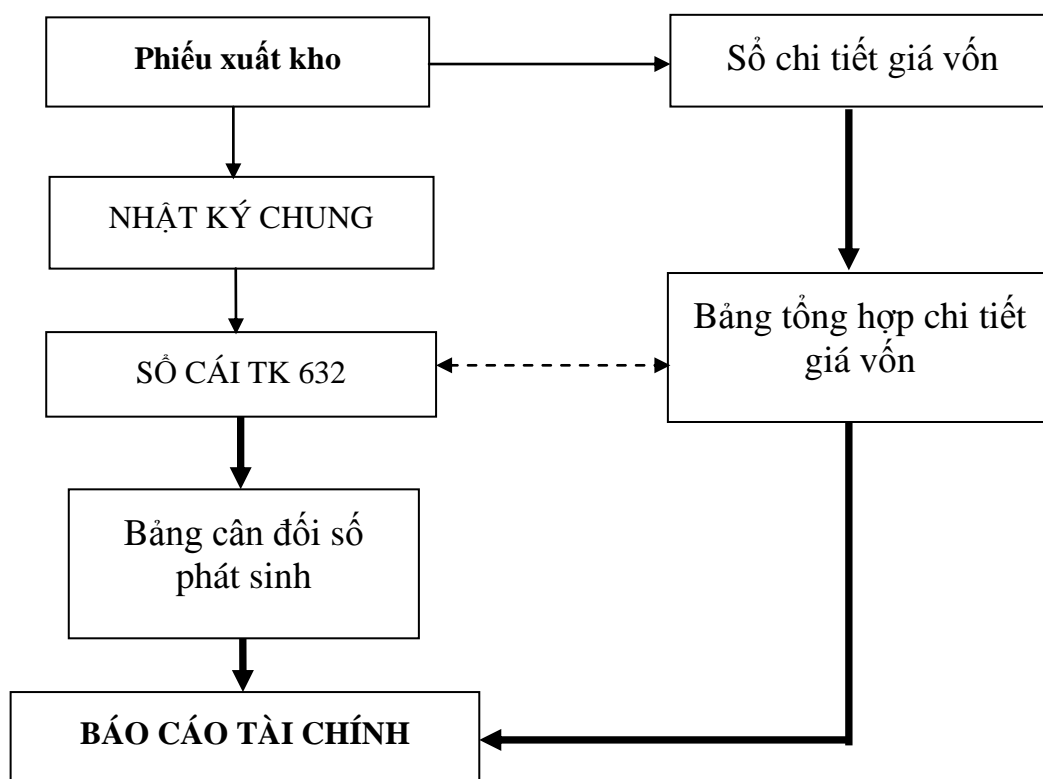
#### ❖ Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng

- Chứng từ: Phiếu xuất kho (mẫu số 02-VT), bảng phân bổ nguyên vật liệu (mẫu số 07-VT),...
- Tài khoản:
  - Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang
  - Tài khoản 155 – Thành phẩm
  - Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
    - + Tài khoản 6321 – Giá vốn xi măng PCB30
    - + Tài khoản 6322 – Giá vốn đá 1x2
    - + Tài khoản 6323 – Giá vốn đá 2x3
    - + Tài khoản 6324 – Giá vốn đá 3x4
    - + Tài khoản 6325 – Giá vốn đá 4x6
- Sổ sách: Sổ chi tiết tài khoản 155, bảng tổng hợp chi tiết, sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản, thẻ kho...



❖ Quy trình hạch toán

Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán:



- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối kỳ
- ← - - - -> Kiểm tra, đối chiếu

$$\text{Giá vốn hàng bán} = Z_{\text{đơn vị sản phẩm}} = \frac{\sum Z}{\sum Qht}$$

$$\sum Z = \text{Giá trị sản phẩm dđđk} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} - \text{Giá trị sản phẩm dđđk}$$

Trị giá hàng xuất kho của Công ty được tính theo phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO). Theo phương pháp này kế toán giá định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước.

**Ví dụ 3 (tiếp ví dụ 1):** Ngày 11/12/2009 xuất kho 250 tấn xi măng bán cho cty TNHH Anh Tùng với giá bán chưa bao gồm thuế GTGT là 650.000đ/tấn, chưa thanh toán.

Cuối quý 4, sản lượng xi măng PCB30 hoàn thành là 30.000tấn.

Giá trị sản phẩm dđđk = 2.216.093.000

Giá trị sản phẩm ddck = 1.916.505.000

Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ = 23.028.052.000

$$\begin{aligned} \sum Z &= 2.216.093.000 + 18.028.052.000 - 2.748.415.000 \\ &= 23.327.640.000 \end{aligned}$$

$$Z_{đvsp} = \frac{17.495.730.000}{30.000} = 583.191 \text{ đ/tấn}$$

Ngày 11/12 xuất kho 250 tấn xi măng PCB30.

Kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho số X805 để vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.1) theo định khoản:

Nợ TK632: 145.797.750

Có TK155: 145.797.750

Đồng thời vào sổ chi tiết giá vốn (biểu 2.8). Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để vào sổ cái các tài khoản 632 (biểu 2.10), 155, 131, 511, 3331. Cuối tháng, từ sổ chi tiết giá vốn kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết giá vốn (biểu 2.9).

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**

*Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng*

**Mẫu số 02-VT**

*(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU XUẤT KHO**

*Ngày 11 tháng 12 năm 2009*

Số: X805

Nợ TK: 6321

Có TK: 155

- Họ và tên người nhận hàng: Phạm Văn Sơn
- Địa chỉ: Công ty TNHH Anh Tùng
- Lý do xuất kho: Bán xi măng PCB30
- Xuất kho tại: Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Xi măng PCB30		Tấn		250	583.191	145.797.750
	Cộng						145.797.750

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm bốn mươi năm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm lăm mươi đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo: Hóa đơn GTGT 0048900.

*Ngày 11 tháng 12 năm 2009*

**Người lập**

**Người nhận**

**Thủ kho**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.1**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**

*Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng*

**Mẫu số S03a-DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Quý IV năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
11/12	<b>X805</b> HD489	11/12	Bán xi măng cho công ty TNHH Anh Tùng	<b>6321</b> <b>155</b> 131 51121 3331	<b>145.797.750</b> 178.750.000	<b>145.797.750</b> 162.500.000 16.250.000
16/12	UT218  PC421	16/12	Thanh lý 01 máy cầu  Đã thanh toán 70% bằng TGNG  Chi phí thanh lý là 8.000.000đ	214 811 211 1121 131 711 3331 811 133 1111	732.070.714 292.828.286  242.725.000 104.025.000  8.000.000 800.000	1.024.899.000  312.500.000 31.250.000  8.800.000
17/12	PC426	17/12	Trả tiền thuê vận chuyển xi măng cho Công ty Cổ Phần Thương mại và dịch vụ Hoàng Phát	6417 133 1111	2.080.500 208.050	2.288.550
17/12	PC427	17/12	Chi phí tiếp khách	6428 133 1111	2.380.500 238.050	2.618.550
			.....			
31/12	UT226	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121 515	73.767	73.767
31/12	BB25	31/12	CKTM cho Công ty TNHH Anh Tùng	521 3331 131	10.030.000 1.003.000	11.033.000
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển CKTM	511 521	703.890.800	03.890.800
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>70.153.046.900</b>	<b>70.153.046.900</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu 2.8**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S38-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TK 632 (6321)**

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Đối tượng: **Xi măng PCB30**

Quý IV/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			.....			
11/12	X805	11/12	Xuất kho 250 tấn xi măng PCB30 bán cho Công ty TNHH Anh Tùng	155	145.797.750	
14/12	X810	14/12	Xuất kho 150 tấn xi măng PCB30 bán cho tàu HN-252	155	87.478.650	
15/12	X811	15/12	Bán 300 tấn xi măng PCB30 cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quang Huy	155	174.957.300	
16/12	X812	16/12	Bán 300 tấn xi măng PCB30 cho tàu HN-278	155	174.957.300	
			.....			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>4.338.717.700</b>	<b>4.338.717.700</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.9**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**

*Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng*

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN**

Tài khoản 632

Quý IV/2009

STT	Tên sản phẩm	SĐĐK		Số phát sinh		SĐCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Xi măng PCB30			4.338.717.700	4.338.717.700		
2	Đá 1x2			1.032.903.600	1.032.903.600		
3	Đá 2x3			1.501.012.300	1.501.012.800		
4	Đá 3x4			1.342.285.500	1.342.285.500		
5	Đá 4x6			1.251.238.200	1.251.238.200		
	<b>Tổng</b>			<b>9.466.157.300</b>	<b>9.466.157.300</b>		

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.10**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
11/12	X805	11/12	Xuất kho 250 tấn xi măng PCB30 bán cho công ty TNHH Anh Tùng	155	145.797.500	
14/12	X809	14/12	Xuất kho 500m <sup>3</sup> đá 1x2 cho tàu HP-309	155	31.080.000	
14/12	X810	14/12	Xuất kho 150 tấn xi măng PCB30 cho tàu HN-252	155	87.478.650	
			.....			
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		9.466.157.300
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>9.466.157.300</b>	<b>9.466.157.300</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi số**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

## 2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

### 2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ trong kỳ như: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo,... Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân tiến hành như sau:

- Tính ra tiền lương và phụ cấp phải trả nhân viên bán hàng, đóng gói, vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ sản phẩm tiêu thụ.

- Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương phát sinh trong kỳ tính vào chi phí.

- Trích khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bán hàng.

- Các chi phí khác bằng tiền phát sinh trong kỳ.

Việc hạch toán chi phí bán hàng tại Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân được hạch toán trên tài khoản 642 và được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng vào bên nợ tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

#### ❖ Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng

- Chứng từ: Hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT-3LL), phiếu thu (mẫu số 01-TT), giấy báo có TGNH, bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02-LĐTL), bảng phân bổ tiền lương (mẫu số 11-LĐTL), bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06-TSCĐ),...

- Tài khoản: Kế toán sử dụng tài khoản 641 và các tài khoản cấp 2 để hạch toán chi phí bán hàng.

Các tài khoản chi phí bán hàng cấp 2 sử dụng tại công ty:

- ✓ Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên
- ✓ Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- ✓ Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- ✓ Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài



✓ Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác

- Sổ sách: Sổ Nhật ký chung, sổ Cái 641, sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua...

❖ **Quy trình hạch toán**

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào các sổ chi tiết. Từ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái tài khoản 641 và các sổ Cái tài khoản có liên quan. Cuối tháng kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết từ các sổ chi tiết và đối chiếu với sổ Cái liên quan.

**Ví dụ 4:** Ngày 17/12/2009 chi tiền mặt trả tiền thuê vận chuyên xi măng cho Công ty Cổ Phần Thương mại Dịch vụ Hoàng Phát, số tiền 2.288.550đ.

Căn cứ vào phiếu chi số PC426 và hóa đơn GTGT số 0049600 kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.1) theo định khoản:

Nợ TK 6417: 2.080.500

Nợ TK 133: 208.050

Có TK 1111: 2.288.550

Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK 641 (biểu số 2.11), 133,111.

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**

*Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng*

**Mẫu số 02-TT**

*(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU CHI**

Ngày 17 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 09

Số: PC426

Nợ: 6417,133

Có: 1111

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Hùng

Địa chỉ: Bộ phận bán hàng

Lý do chi: Chi tiền thuê vận chuyển xi măng.

Số tiền: 2.288.550 VNĐ

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn năm trăm lăm mươi đồng.

Kèm theo: Hóa đơn GTGT số 0049600, 01 giấy đề nghị thanh toán.

Đã nhận đủ số tiền: Hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn năm trăm lăm mươi đồng.

*Ngày 17 tháng 12 năm 2009*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người nhận**

**Người lập**

**Thủ quỹ**

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
*Liên 2 : Giao khách hàng*  
*Ngày 17 tháng 12 năm 2009*

Mẫu số 01 GTKT-3LL  
**ML/2009B**  
**0049600**

Đơn vị bán hàng : Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hoàng Phát

Địa chỉ : Quảng Thanh – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Số tài khoản : 32110089504893

Điện thoại: 0313 674456

MST : 0200433952

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Hùng

Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân

Địa chỉ: Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Số tài khoản: 32110000404054

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MST: 0200160096

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	$3=1 \times 2$
	Vận chuyển xi măng	Chuyến	01	2.080.500	2.080.500
Cộng tiền hàng					2.080.500
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			208.050
Tổng cộng tiền thanh toán					2.288.550
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn năm trăm lăm mươi đồng.					

**Người mua hàng**

**Người bán hàng**

**Thủ trưởng đơn vị**

**Biểu số 2.1**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
 Quý IV năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
11/12	X805 HD489	11/12	Bán xi măng cho công ty TNHH Anh Tùng	6321 155 131 51121 3331	145.797.750 178.750.000	145.797.750 162.500.000 16.250.000
16/12	UT218 PC421	16/12	Thanh lý 01 máy cầu  Đã thanh toán 70% bằng TGNG  Chi phí thanh lý là 8.000.000đ	214 811 211 1121 131 711 3331 811 133 1111	732.070.714 292.828.286 242.725.000 104.025.000 8.000.000 800.000	1.024.899.000 312.500.000 31.250.000 8.800.000
17/12	PC426	17/12	Trả tiền thuê vận chuyển xi măng cho Công ty Cổ Phần Thương mại và dịch vụ Hoàng Phát	6417 133 1111	2.080.500 208.050	2.288.550
17/12	PC427	17/12	Chi phí tiếp khách	6428 133 1111	2.380.500 238.050	2.618.550
			.....			
31/12	UT226	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121 515	73.767	73.767
31/12	BB25	31/12	CKTM cho Công ty TNHH Anh Tùng	521 3331 131	10.030.000 1.003.000	11.033.000
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển CKTM	511 521	703.890.800	703.890.800
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>70.153.046.900</b>	<b>70.153.046.900</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.11**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
30/11	BTTL11	30/11	Trả lương tháng 11 Các khoản trích theo lương	334 338	64.600.000 12.274.000	
			.....			
16/12	KH09	16/15	Trích khấu hao TSCĐ bộ phận bán hàng	214	11.667.000	
17/12	PC426	17/12	Trả tiền thuê vận chuyển xi măng	1111	2.080.500	
			.....			
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng xác định kết quả kinh doanh	911		927.986.900
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>927.986.900</b>	<b>927.986.900</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

### 2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại như: Chi phí quản lý kinh doanh, chi phí quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Tại Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí:

- Chi phí nhân viên và các khoản tiền trích theo lương;
- Chi phí tiếp khách;
- Chi mua sắm khấu hao thiết bị văn phòng;
- Chi điện, nước và các dịch vụ mua ngoài khác phục vụ quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí bằng tiền khác.

#### ❖ Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng

- Chứng từ: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06-TSCĐ), bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02-LĐTL), bảng phân bổ tiền lương và BHXH (mẫu số 11-LĐTL), phiếu chi (mẫu số 02-TT), giấy báo nợ TGNH, hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT-3LL),...
- Tài khoản: Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân sử dụng tài khoản 642 và các tài khoản chi tiết cấp 2.

Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân sử dụng các tài khoản chi tiết cấp 2 để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp cụ thể như sau:

- ✓ Tài khoản 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- ✓ Tài khoản 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- ✓ Tài khoản 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ

- ✓ Tài khoản 6425 – Thuế, phí và lệ phí
  - ✓ Tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - ✓ Tài khoản 6428 – Chi phí bằng tiền khác.
- Sổ sách: Sổ Nhật ký chung, sổ Cái 642...

❖ **Quy trình hạch toán**

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc kế toán tiến hành định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ Cái tài khoản 642 và các sổ Cái liên quan khác.

**Ví dụ 5:** Ngày 17/12/2009 Công ty chi 2.618.550đ tiếp khách.

Căn cứ vào phiếu chi số PC427 kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.1) theo định khoản:

Nợ TK 6428: 2.380.500

Nợ TK 133: 238.050

Có TK 1111: 2.618.550

Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.12) và các sổ sách có liên quan.

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
*Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng*

**Mẫu số 02-TT**  
*(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU CHI**

*Ngày 17 tháng 12 năm 2009*

Quyển số: 09

Số: PC427

Nợ: 6428,133

Có: 1111

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Hùng

Địa chỉ: Phòng tổ chức hành chính

Lý do chi: Chi tiếp khách

Số tiền: 2.618.550 VNĐ

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu sáu trăm mười tám nghìn năm trăm lăm mươi đồng.

Kèm theo: Hóa đơn GTGT số 0053100

Đã nhận đủ số tiền: Hai triệu sáu trăm mười tám nghìn năm trăm lăm mươi đồng.

*Ngày 17 tháng 12 năm 2009*

**Giám đốc      Kế toán trưởng      Người nhận      Người lập      Thủ quỹ**



**Biểu số 2.1**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
 Quý IV năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
11/12	X805 HD489	11/12	Bán xi măng cho công ty TNHH Anh Tùng	6321 155 131 51121 3331	145.797.750 178.750.000	145.797.750 162.500.000 16.250.000
16/12	UT218 PC421	16/12	Thanh lý 01 máy cầu  Đã thanh toán 70% bằng TGNG  Chi phí thanh lý là 8.000.000đ	214 811 211 1121 131 711 3331 811 133 1111	732.070.714 292.828.286 242.725.000 104.025.000 8.000.000 800.000	1.024.899.000 312.500.000 31.250.000 8.800.000
17/12	PC426	17/12	Trả tiền thuê vận chuyển xi măng cho Công ty Cổ Phần Thương mại và dịch vụ Hoàng Phát	6417 133 1111	2.080.500 208.050	2.288.550
17/12	PC427	17/12	Chi phí tiếp khách	6428 133 1111	2.380.500 238.050	2.618.550
			.....			
31/12	UT226	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121 515	73.767	73.767
31/12	BB25	31/12	CKTM cho Công ty TNHH Anh Tùng	521 3331 131	10.030.000 1.003.000	11.033.000
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển CKTM	511 521	703.890.800	703.890.800
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>70.153.046.900</b>	<b>70.153.046.900</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.12**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
*Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng*

**Mẫu số S03b-DN**  
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
30/11	BTTL11	30/11	Lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý	334 338	41.240.000 7.835.600	
			.....			
16/12	KH09	16/12	Trích khấu hao TSCĐ	214	13.250.000	
17/12	UC278	17/12	Phí chuyển tiền qua ngân hàng	1121	12.325	
17/12	PC427	17/12	Chi tiếp khách	1111	2.380.500	
			.....			
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển sang tài khoản 911 xác định kết quả kinh doanh	911		1.301.784.300
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>1.301.784.300</b>	<b>1.301.784.300</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

#### 2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

Về hoạt động tài chính tại công ty, các chi phí tài chính phát sinh là các chi phí về lãi vay, lãi mua hàng trả chậm. Doanh thu hoạt động tài chính được thực hiện từ các khoản lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm và các khoản chiết khấu thanh toán được hưởng.

##### ❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo nợ;
- Phiếu thu (mẫu số 01-TT), phiếu chi (mẫu số 02-TT);
- Các chứng từ khác (nếu có).

##### ❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

##### ❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung;
- Sổ cái tài khoản 515, 635;
- Các sổ khác có liên quan.

##### ❖ Quy trình hạch toán

Khi phát sinh các khoản doanh thu, chi phí tài chính kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc để ghi vào Sổ Nhật ký chung. Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái các TK 515,635,...

**Ví dụ 6:** Ngày 31/12/2009 công ty nhận được giấy báo lãi tiền gửi ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Phòng, số tiền 73.767đ.

Từ giấy báo lãi TGNH kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.1) theo định khoản:

Nợ 1121: 73.767

Có 515: 73.767

Sau khi đã vào sổ Nhật ký chung, căn cứ trên số liệu Sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ Cái TK 515 (biểu số 2.13), 112.

*Branch: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Phòng*

**GIẤY BÁO LÃI**

*(Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009)*

Kính gửi: Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân

Chúng tôi đã tính lãi đến cuối ngày 31/12/2009 tài khoản số 32110000404054 mở tại ngân hàng chúng tôi với lãi suất và số tiền như sau:

Lãi suất (% năm): 11.25%

Số tiền: 73.767 VND

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Phòng

Kính báo.

**Biểu số 2.1**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
 Quý IV năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
11/12	X805 HD489	11/12	Bán xi măng cho công ty TNHH Anh Tùng	6321 155 131 51121 3331	145.797.750 178.750.000	145.797.750 162.500.000 16.250.000
16/12	UT218 PC421	16/12	Thanh lý 01 máy cầu  Đã thanh toán 70% bằng TGNG  Chi phí thanh lý là 8.000.000đ	214 811 211 1121 131 711 3331 811 133 1111	732.070.714 292.828.286 242.725.000 104.025.000 8.000.000 800.000	1.024.899.000 312.500.000 31.250.000 8.800.000
17/12	PC426	17/12	Trả tiền thuê vận chuyển xi măng cho Công ty Cổ Phần Thương mại và dịch vụ Hoàng Phát	6417 133 1111	2.080.500 208.050	2.288.550
17/12	PC427	17/12	Chi phí tiếp khách	6428 133 1111	2.380.500 238.050	2.618.550
			.....			
31/12	UT226	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121 515	73.767	73.767
31/12	BB25	31/12	CKTM cho Công ty TNHH Anh Tùng	521 3331 131	10.030.000 1.003.000	11.033.000
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển CKTM	511 521	703.890.800	703.890.800
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>70.153.046.900</b>	<b>70.153.046.900</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.13**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
30/11	UT198	30/11	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121		109.853
			.....			
31/12	UT226	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121		73.767
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính xác định kết quả kinh doanh	911	8.853.648	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>8.853.648</b>	<b>8.853.648</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

### 2.2.5. Kế toán thu nhập, chi phí khác

Các hoạt động khác của công ty ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh cũng tạo ra những khoản thu nhập và đi cùng với đó là các khoản chi phí phù hợp.

#### **Thu nhập khác của công ty gồm:**

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác.

#### **Chi phí khác của công ty gồm:**

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
- Các khoản chi phí khác.

#### **❖ Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng**

- Chứng từ: Hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT-3LL), phiếu thu (mẫu số 01-TT), phiếu chi (mẫu số 02-TT), biên bản giao nhận TSCĐ (mẫu số 01-TSCĐ)...
- Tài khoản: 711 – Thu nhập khác, 811 – Chi phí khác.
- Sổ sách: Sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 711, 811...

#### **❖ Quy trình hạch toán**

Khi phát sinh các thu nhập khác và chi phí khác, căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán tiến hành định khoản và ghi vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó từ Sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ Cái tài khoản 711 và 811.

**Ví dụ 6:** Ngày 16/12/2009 công ty thanh lý một máy cầu cho công ty TNHH Hùng Dũng. Nguyên giá 1.024.899.000đ, khấu hao lũy kế 732.070.714đ. Tổng giá bán chưa VAT 10% là 312.500.000đ. Công ty đã thu 70% bằng TGNH, số còn lại cho công ty TNHH Hùng Dũng chịu. Chi phí liên quan đến thanh lý đã chi bằng tiền mặt, số tiền 8.000.000đ chưa VAT 10%.

Căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.1) theo định khoản:

- +)  
Nợ 214: 732.070.714  
Nợ 811: 292.828.286  
    Có 211: 1.024.899.000
- +)  
Nợ 1121: 242.725.000  
Nợ 131: 104.025.000  
    Có 711: 312.500.000  
    Có 33311: 31.250.000
- +)  
Nợ 811: 8.000.000  
Nợ 133: 800.000  
    Có 1111: 8.800.000

Sau đó từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái các tài khoản 711 (biểu số 2.14), 811 (biểu số 2.15)...

<b>THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG</b>		
<b>LỆNH CHUYỂN CỐ</b>		
<b>Mã KH:</b> HAD 1599	<b>Số bút toán:</b> 0000029	
<b>Loại giao dịch:</b> Lệnh chuyển có giá trị cao	<b>Thời điểm TTXL:</b> 16/12/2009-14:26:10	
<b>Số hiệu giao dịch:</b> 09000310	<b>Ngày, giờ nhận:</b> 16/12/2009-13:33:20	
<b>Ngân hàng gửi:</b> NH Phát triển VN So giao dịch I	<b>Mã NH:</b> 01208022 TK nợ	
<b>Ngân hàng nhận:</b> NHDT & PT TP Hai Phong	<b>Mã NH:</b> 31202001 TK có	
<b>Người phát lệnh:</b> HUNG DUNG		
<b>Địa chỉ/số CMND:</b>		
<b>Tài khoản:</b> 25050009931607	<b>Tại NH:</b> 01208022-NH Phát triển VN So Giao Dịch I	
<b>Người nhận lệnh:</b> Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân		
<b>Địa chỉ/số CMND:</b>		
<b>Tài khoản:</b> 32110000404054	<b>Tại NH:</b> 31202001-NHDT & PT TP Hai Phong	
<b>Chương-loại-khoản-hạng mục:</b>		
<b>Nội dung:</b> Tiền máy cầu		
<b>Số tiền bằng số:</b> 242.725.000		
<b>Số tiền bằng chữ:</b> Hai trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn.		
<b>KẾ TOÁN</b>	<b>KIỂM SOÁT</b>	<b>CHỦ TÀI KHOẢN</b>



**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**

*Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng*

**Mẫu số 02-TT**

*(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU CHI**

Ngày 16 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 09

Số: PC421

Nợ: 811,133

Có: 1111

Họ, tên người nhận tiền: Vũ Quang Thái

Địa chỉ: Phòng quản lý sản xuất

Lý do chi: Chi thanh lý máy cẩu

Số tiền: 8.800.000 VNĐ

Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo:

Đã nhận đủ số tiền: Tám triệu tám trăm nghìn đồng chẵn .

Ngày 16 tháng 12 năm 2009

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người nhận**

**Người lập**

**Thủ quỹ**

**Biểu số 2.1**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
 Quý IV năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
11/12	X805 HD489	11/12	Bán xi măng cho công ty TNHH Anh Tùng	6321 155 131 51121 3331	145.797.750 178.750.000	145.797.750 162.500.000 16.250.000
16/12	UT218 PC421	16/12	Thanh lý 01 máy cầu  Đã thanh toán 70% bằng TGNG  Chi phí thanh lý là 8.000.000đ	214 811 211 1121 131 711 3331 811 133 1111	732.070.714 292.828.286 242.725.000 104.025.000 8.000.000 800.000	1.024.899.000 312.500.000 31.250.000 8.800.000
17/12	PC426	17/12	Trả tiền thuê vận chuyển xi măng cho Công ty Cổ Phần Thương mại và dịch vụ Hoàng Phát	6417 133 1111	2.080.500 208.050	2.288.550
17/12	PC427	17/12	Chi phí tiếp khách	6428 133 1111	2.380.500 238.050	2.618.550
			.....			
31/12	UT226	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121 515	73.767	73.767
31/12	BB25	31/12	CKTM cho Công ty TNHH Anh Tùng	521 3331 131	10.030.000 1.003.000	11.033.000
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển CKTM	511 521	703.890.800	703.890.800
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>70.153.046.900</b>	<b>70.153.046.900</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.14**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
03/12	PT398	03/12	Thu tiền bán phế liệu	1111		680.500
09/12	PT411	09/12	Thu tiền thanh lý 02 bộ máy vi tính	1111		3.980.000
			.....			
16/12	UT218	16/11	Thanh lý máy cầu, đã thu 70% bằng TGNH	1121 131		242.725.000 104.025.000
			.....			
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển thu nhập khác xác định kết quả kinh doanh	911	517.193.800	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>517.193.800</b>	<b>517.193.800</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.15**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
11/11	PC368	11/11	Thanh lý 01 ô tô tải chở đá, giá trị còn lại	211	38.970.572	
			.....			
16/12	PC421	16/11	Thanh lý máy cẩu, chi phí thanh lý 8.000.000đ	211 1111	292.828.28 6 8.000.000	
			.....			
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển chi phí khác xác định kết quả kinh doanh	911		373.028.50 0
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>373.028.500</b>	<b>373.028.500</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

### 2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả. Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Tại Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân kết quả hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm:

- Kết quả sản xuất kinh doanh
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác

$$\text{Lợi nhuận} = \text{LN}_{\text{hdsxkd}} + \text{LN}_{\text{hdtc}} + \text{LN}_{\text{hd khác}}$$

$$\text{LN}_{\text{hdsxkd}} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn} - \text{CPBH} - \text{CPQLDN}$$

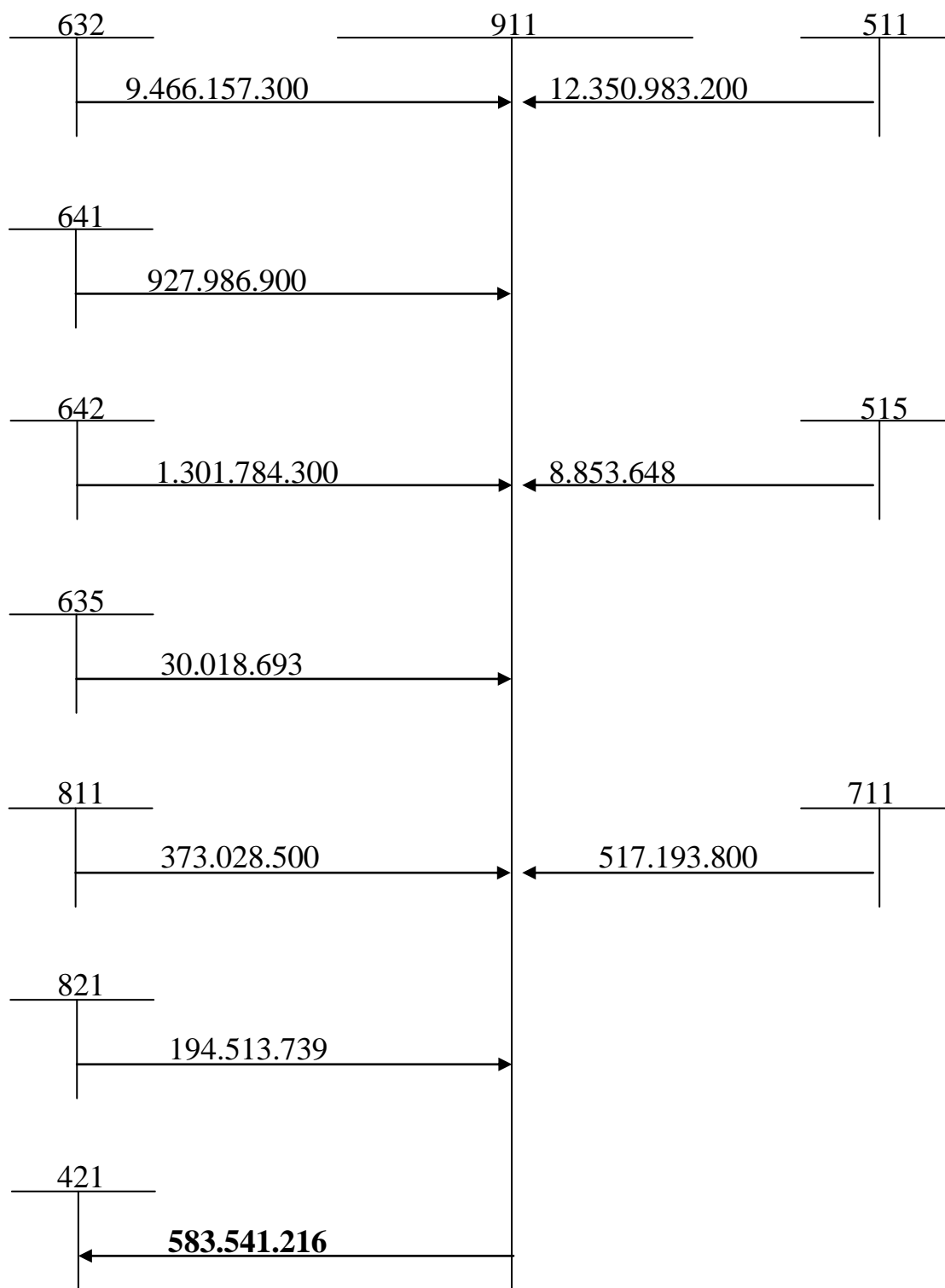
$$\text{LN}_{\text{hdtc}} = \text{Doanh thu}_{\text{hdtc}} - \text{Chi phí}_{\text{hdtc}}$$

$$\text{LN}_{\text{hd khác}} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Kết quả lãi lỗ của Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân được xác định thông qua sơ đồ 2.1

Từ những số liệu tổng hợp được kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.16), sau đó từ số liệu trên Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK 911 (biểu số 2.17) và TK 421 (biểu số 2.18).

**Sơ đồ 2.1 – Hạch toán kết quả kinh doanh Quý IV – Năm 2009.**



**Biểu số 2.16**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
 Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
 Quý IV năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 911	12.350.983.200	12.350.983.200
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	8.853.648	8.853.648
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711 911	517.193.800	517.193.800
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	9.466.157.300	9.466.157.300
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911 641	927.986.900	927.986.900
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911 642	1.301.784.300	1.301.784.300
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911 635	30.018.693	30.018.693
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911 811	373.028.500	373.028.500
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	194.513.739	194.513.739
31/12	KC09	31/12	Thuế TNDN phải nộp vào NSNN	821 3334	194.513.739	194.513.739
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển lãi	911 421	583.541.216	583.541.216
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>70.153.046.900</b>	<b>70.153.046.900</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.17**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
*Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng*

**Mẫu số S03b-DN**  
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		12.350.983.200
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		8.853.648
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		517.193.800
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	9.466.157.300	
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	927.986.900	
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	1.301.784.300	
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	30.018.693	
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	373.028.500	
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	194.513.739	
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển lãi	421	583.541.216	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>12.877.030.648</b>	<b>12.877.030.648</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Biểu số 2.18**

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**  
*Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng*

**Mẫu số S03b-DN**  
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Quý IV năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b>721.411.534</b>
31/12	KC09	31/12	Kết chuyển lãi	911		583.541.216
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>583.541.216</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b>1.304.952.750</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

## CHƯƠNG 3 – HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂN PHÚ XUÂN

### 3.1. Đánh giá khái quát về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả, các khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách Nhà nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phân, kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp các thông tin cho các cơ quan chức năng, như cơ quan thuế, ngân hàng... cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

#### 3.1.1. Những ưu điểm

Trong quá trình tìm hiểu phân hành kế toán tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân em nhận thấy công ty có những ưu điểm:

- **Về phương thức hạch toán kế toán của công ty:** Công ty đã làm theo đúng chế độ kế toán, tạo điều kiện cho lãnh đạo công ty và các cơ quan quản lý kiểm tra về kết quả sản xuất kinh doanh của công ty một cách dễ dàng.
- **Về nhân sự:** Với đội ngũ kế toán nhìn chung trẻ, năng động, sáng tạo, làm việc hiệu quả công ty sử dụng phương pháp ghép việc, một nhân viên có thể đảm nhận nhiều phần việc. Đồng thời, công ty đã tổ chức và bố trí

công việc của nhân viên kế toán phù hợp với chức năng và trình độ do vậy mọi công việc đều hoàn thành có hiệu quả.

- **Về mô hình tổ chức bộ máy kế toán:** Hình thức kế toán tập trung phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được hạch toán nhanh chóng, chính xác.
- **Về chứng từ và quy trình luân chuyển chứng từ:** Hệ thống chứng từ được xây dựng phù hợp theo đúng mẫu biểu quy định, tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý tạo điều kiện cho việc kê khai nộp thuế thuận lợi. Các chứng từ được bảo quản lưu giữ tại phòng kế toán theo đúng chế độ hiện hành.
- **Về kế toán doanh thu** của công ty đã biết gắn liền giữa tình hình sản xuất kinh doanh của công ty với những quy định hạch toán trong hạch toán doanh thu, luôn phản ánh chính xác, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh góp phần đảm bảo tính thống nhất và linh hoạt trong công tác hạch toán kế toán của công ty.

### 3.1.3. Một số hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh của công ty vẫn còn một số mặt hạn chế:

**Thứ nhất, về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:** Hiện nay, chỉ tiêu phải thu khách hàng của Công ty là 3.065.285.900đ. Trong đó có nhiều khoản nợ của khách hàng đã quá hạn thanh toán mà Công ty chưa đòi được và một số Công ty đang lâm vào tình trạng phá sản (Công ty TNHH Tuấn Hà...). Nhưng Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Điều này dẫn đến Công ty không có khoản dự phòng để bù đắp rủi ro xảy ra, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, gây thiếu vốn trong sản xuất, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

**Thứ hai, về chính sách tiền lương:**

Công ty thường nợ lương của người lao động đến khoảng 20 tháng sau mới thanh toán. Việc chậm thanh toán lương cho công nhân khiến họ không nhiệt tình với công việc, gây chán nản, làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty chưa tiến hành trích lập bảo hiểm thất nghiệp như vậy là sai với quy định. Mặt khác, còn ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của người lao động, khiến người lao động gặp khó khăn trong việc ổn định cuộc sống khi không có việc làm.

Về chế độ khen thưởng, Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân chưa có chế độ khen thưởng đối với những người đạt thành tích tốt trong sản xuất. Dẫn đến người lao động không nhiệt tình hăng say trong sản xuất, chưa nâng cao được năng suất sản phẩm.

**Thứ ba, về tổ chức bộ máy kế toán và hạch toán kế toán:**

Về bộ máy kế toán, đội ngũ kế toán tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân về trình độ chuyên môn nhìn chung ở trình độ cao đẳng và trung cấp kế toán. Do trình độ còn hạn chế nên hiệu quả công việc chưa cao, không đảm nhận được những nhiệm vụ, yêu cầu cao hơn của nhà quản lý như lập những báo cáo quản trị, tổng hợp, phân tích số liệu...

Về công tác hạch toán, phòng kế toán đã được trang bị hệ thống máy vi tính nhưng mới chỉ dùng để nhập dữ liệu và làm việc trên Excel mà chưa ứng dụng phần mềm kế toán vào việc hạch toán. Làm cho việc hạch toán mất nhiều thời gian, dễ sai lệch, nhầm lẫn về số liệu và làm tăng gánh nặng công việc của kế toán.

**Thứ tư, về chính sách quảng cáo, giới thiệu sản phẩm:** Để khách hàng biết đến sản phẩm và lựa chọn sản phẩm của mình thì Công ty cần có những chính sách quảng cáo, giới thiệu sản phẩm. Hiện nay, thị trường chủ yếu của Công ty mới chỉ ở địa phương và một số khu vực lân cận. Khách hàng ở nhiều

nơi vẫn chưa biết đến sản phẩm của Công ty. Điều này làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ, gây ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu bán hàng và lợi nhuận của doanh nghiệp.

**Thứ năm, về chính sách thu hồi nợ và áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:**

Công ty chưa thật sự quan tâm đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu lớn, gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng quay vốn không được sử dụng hiệu quả, ảnh hưởng lớn đến doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Hiện tại, Công ty mới chỉ có chính sách chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua hàng với số lượng lớn, mà chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng. Điều này dẫn đến khách hàng chậm thanh toán, vòng quay vốn của Công ty kéo dài ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

**Thứ sáu, về hệ thống sổ sách kế toán:** Một số sổ sách kế toán của Công ty không đúng theo mẫu biểu quy định làm ảnh hưởng đến công tác ghi chép, theo dõi. Ví dụ Sổ chi tiết tài khoản 131 của Công ty không có cột số dư. Như vậy là sai với quy định và Công ty sẽ không theo dõi được tình hình nợ của khách hàng tại những thời điểm khác nhau, từ đó không lên được kế hoạch thu hồi nợ, gây ảnh hưởng đến hiệu quả của việc sử dụng đồng vốn.

**Thứ bảy, về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân là Công ty sản xuất nên lượng hàng tồn kho có rất nhiều. Nền kinh tế luôn có những biến động, khi giá xi măng, nguyên vật liệu giảm thì doanh nghiệp cần có khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho để bù đắp những thiệt hại xảy ra nhưng hiện nay Công ty chưa có khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Điều này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp và tình hình sản xuất của doanh nghiệp khi xảy ra những biến động về giảm giá hàng tồn kho.

## **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân**

### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lẫn lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua. Tuy nhiên, những tồn tại hạn chế là yếu tố tất yếu trong bất kỳ bộ phận nào, kể cả bộ máy kế toán. Do vậy yêu cầu hoàn thiện luôn đặt ra.

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong tất cả các doanh nghiệp. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó nó càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty và các cơ quan quản lý của Nhà nước.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất. Nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua các yếu tố đầu vào cho sản xuất đến khâu tổ chức sản xuất và tiêu thụ. Vì vậy, yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn các phần hành khác vì mỗi phần hành nhỏ trong quy trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn bộ doanh nghiệp.

Hạch toán đúng phần này không những xác định đúng kết quả cho doanh

nghiệp đã đạt được trong kỳ, mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động của các bộ phận trong công ty, bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp tác động đến tất cả các hoạt động của công ty.

### **3.2.2. Một số nguyên tắc cơ bản để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Do tầm quan trọng của phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên việc hoàn thiện phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

**Thứ nhất**, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng thể thức, tôn trọng chế độ kế toán. Kế toán là một công cụ tài chính quan trọng của Nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý. Do chế độ kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp nên việc vận dụng linh hoạt vào mỗi doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán.

**Thứ hai**, hoàn thiện trên cơ sở đảm bảo công tác kế toán phù hợp với các đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

**Thứ ba**, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc kế toán nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.

### **3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân**

Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công

ty sẽ được hoàn thiện hơn. Bài viết xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty như sau:

➤ **Ý kiến 1: Về trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

Hiện nay doanh nghiệp có nhiều khoản nợ phải thu khó đòi. Giải pháp trích lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ giúp doanh nghiệp bù đắp rủi ro, đảm bảo cho việc sản xuất kinh doanh hoạt động bình thường. Để thực hiện giải pháp trên Công ty cần thực hiện một số nội dung sau:

*Căn cứ để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cần:*

Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền chưa trả, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, biên bản đối chiếu công nợ...

Phải có đủ căn cứ để xác định là nợ phải thu khó đòi, bao gồm:

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng thanh toán, khế ước vay nợ... mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng chưa thu được.
- Nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng con nợ có thể lâm vào tình trạng phá sản, giải thể,...

Những khoản nợ quá hạn thanh toán từ 3 năm trở lên mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng chưa đòi được, thì coi như không có khả năng thu hồi.

*Xác định mức trích lập dự phòng*

Theo thông tư 13/2006 TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2006 của BTC hướng dẫn như sau:

Thời gian quá hạn thanh toán (t)	Mức dự phòng cần trích lập
$3 \text{ tháng} \leq t \leq 1 \text{ năm}$	30% giá trị nợ phải thu
$1 \text{ năm} < t \leq 2 \text{ năm}$	50% giá trị nợ phải thu
$2 \text{ năm} < t \leq 3 \text{ năm}$	70% giá trị nợ phải thu



*Phương pháp hạch toán dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Tại ngày 31/12/N kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho năm N+1

Nợ TK 642

Có TK 139

Trong kỳ kế toán năm N+1, khi phát sinh tổn thất thực tế, xóa sổ nợ phải thu khó đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 139: Phần tổn thất thực tế trừ vào dự phòng

Nợ TK 6426: phần tổn thất được tính vào CPQLDN nếu dự phòng không đủ hoặc chưa lập dự phòng

Có TK 131, 138...

Đồng thời ghi Nợ TK 004

Nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ của những năm trước nay thu hồi được:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711

Đồng thời ghi Có TK 004

Thực hiện được giải pháp trên giúp doanh nghiệp bù đắp rủi ro, chủ động trong sản xuất, đảm bảo cho việc sản xuất hoạt động bình thường và tái đầu tư mở rộng sản xuất.

➤ **Ý kiến 2: Về chính sách tiền lương cho công nhân viên chức**

Tiền lương là nguồn thu nhập chính của người lao động hàng tháng, nếu công ty chậm thanh toán lương cho công nhân thì cuộc sống của họ sẽ gặp khó khăn dẫn đến không chuyên tâm sản xuất, thiếu nhiệt tình trong công việc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

Trích lập bảo hiểm thất nghiệp giúp người lao động ổn định cuộc sống khi không có việc làm. Công ty có chế độ khen thưởng hợp lý sẽ làm cho người lao động nhiệt tình hăng say trong sản xuất, giúp nâng cao hiệu quả làm việc của

người lao động, tăng năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Để thực hiện được giải pháp trên doanh nghiệp cần thực hiện một số nội dung sau:

Để đảm bảo việc thanh toán lương cho người lao động Công ty nên hoàn thành việc tính lương cho người lao động sớm. Phải chuẩn bị đầy đủ về tài chính để trả lương cho người lao động, chậm nhất đến ngày mùng 10 hàng tháng để họ có thể ổn định cuộc sống, yên tâm sản xuất.

Theo quy định từ ngày 01/01/2009 các doanh nghiệp phải trích bảo hiểm thất nghiệp. Vì vậy doanh nghiệp cần trích BHTN cho người lao động. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp được hình thành từ 3% tiền lương, tiền công tháng của người lao động. Trong đó, người lao động đóng 1%, người sử dụng lao động đóng 1% và Nhà nước lấy từ ngân sách hỗ trợ 1%.

*Phương pháp hạch toán:*

Hàng tháng, kế toán tính và trích bảo hiểm thất nghiệp:

Nợ TK 622,623,627...

Nợ TK 334

Có TK 338

Nộp bảo hiểm thất nghiệp cho cơ quan quản lý quỹ:

Nợ TK 338

Có TK 111,112,...

Công ty cần xây dựng chính sách khen thưởng cụ thể cho từng bộ phận. Đưa ra những mức xếp loại A,B,C dựa trên năng suất lao động, để từ đó có những chính sách khen thưởng, động viên người lao động. Nếu ai đạt loại A thì sẽ được mức thưởng cao nhất, loại B sẽ được mức thưởng thấp hơn, còn loại C thì sẽ không được thưởng.

Thực hiện các giải pháp trên sẽ giúp người lao động yên tâm công tác, nhiệt tình với công việc giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và giúp người lao động có thể ổn định cuộc sống khi không có việc làm.

➤ **Ý kiến 3: Về tổ chức bộ máy kế toán và hạch toán kế toán**

Để có bộ máy kế toán hoàn chỉnh, hoạt động hiệu quả, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin số liệu phục vụ cho việc lập các báo cáo theo quy định của pháp luật thì cần hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán và hạch toán kế toán trong Công ty.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán đầu tiên phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán. Công ty nên đưa đi đào tạo thêm về nghiệp vụ kế toán, học các lớp tin học, các khóa học về sử dụng phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, đáp ứng yêu cầu của các nhà quản lý.

Hiện nay, trong thời kỳ kinh tế thị trường sự ứng dụng khoa học công nghệ vào đời sống, sản xuất đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Để theo kịp thời đại và đáp ứng yêu cầu quản lý Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: Phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, SASINNOVA, BRAVO...

Việc áp dụng phần mềm kế toán vào tổ chức kế toán của Công ty giúp giảm sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần hiện đại hóa bộ máy kế toán của Công ty, giúp công tác quản lý được dễ dàng. Hệ thống sổ sách được thiết lập một cách khoa học, đầy đủ và chính xác

➤ **Ý kiến 4: Về chính sách quảng bá, giới thiệu sản phẩm**

Hiện nay, công ty chưa có các chính sách quảng cáo, tiếp thị cho sản phẩm sản xuất ra. Điều này có ảnh hưởng lớn đến doanh thu bán hàng của doanh nghiệp. Do đó doanh nghiệp chưa sản xuất hết công suất máy móc, làm tăng chi phí sản xuất. Muốn khách hàng biết nhiều hơn đến sản phẩm của mình và yên tâm dùng sản phẩm thì Công ty phải có những chính sách giới thiệu sản phẩm đến khách hàng.

Để thực hiện giải pháp này Công ty cần có chính sách giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm của mình trên các báo, đài, lập trang web của doanh nghiệp để khách hàng có thể tìm hiểu thêm về sản phẩm, đồng thời có thể thực hiện những giao dịch, ký hợp đồng với khách hàng thông qua trang web của Công ty. Công ty có thể cho đăng quảng cáo về sản phẩm trên các đài truyền hình địa phương. Nơi có nhiều khách hàng tiềm năng mà chi phí quảng cáo lại không quá cao.

Mặt khác, doanh nghiệp cũng cần quan tâm tới việc nghiên cứu, mở rộng thị trường. Hướng tới những khách hàng tiềm năng ngoài những khách hàng truyền thống lâu năm của công ty. Doanh nghiệp cần quan tâm nhiều hơn đến các chính sách sau bán hàng như thường xuyên mở các cuộc họp hội nghị khách hàng để biết được những phản hồi của khách hàng về sản phẩm và những ý kiến mong muốn của khách hàng khi ký hợp đồng với Công ty.

Thực hiện được giải pháp trên sẽ giúp cho tình hình tiêu thụ sản phẩm tăng lên, làm tăng doanh thu bán thành phẩm của doanh nghiệp.

➤ **Ý kiến 5: Về chính sách thu hồi nợ và chính sách chiết khấu thanh toán**

Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân là doanh nghiệp sản xuất bán sản phẩm nên có số lượng khách hàng nợ lại rất lớn. Để có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay vốn thì doanh nghiệp cần phải có những chính sách thu hồi nợ. Để thực hiện thành công chính sách thu hồi nợ thì doanh nghiệp cần có những biện pháp sau:

Doanh nghiệp phải thường xuyên quan tâm đốc thúc khách hàng nợ tiền và những người có liên quan tham gia sát xáo vào công tác thu hồi nợ.

Có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho các cá nhân đạt thành tích tốt trong công tác thu hồi nợ cũng như là không hoàn thành nhiệm vụ.

Đưa ra những chính sách để khuyến khích khách hàng trả nợ sớm. Trong đó quan trọng là chính sách chiết khấu thanh toán.

Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy nhanh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- + Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay của Công ty
- + Số tiền mua hàng phát sinh
- + Thời gian thanh toán tiền hàng

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

Nợ TK 635

Có TK 131,111,112,...

Thực hiện tốt các giải pháp về thu hồi nợ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay vốn để tái sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

#### ➤ Ý kiến 6: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán

Kế toán Công ty nên mở sổ chi tiết tài khoản 131 theo đúng quy định để giúp cho việc quản lý, theo dõi tình hình nợ của khách hàng được thuận tiện. Công ty sẽ biết được tại từng thời điểm khách hàng còn nợ Công ty bao nhiêu để đưa ra những chính sách phù hợp như yêu cầu khách hàng trả nợ cũ thì mới được nợ mới...

Việc mở sổ đúng quy định sẽ có tác dụng thuận tiện cho việc ghi chép và theo dõi khi cần thiết.

**Công ty CP Xi măng Tân Phú Xuân**

*Liên Khê – Thủy Nguyên – Hải Phòng*

**Mẫu số S31-DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản 131 – Phải thu của khách hàng

**Đối tượng: Công ty TNHH Anh Tùng**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>				<b>301.015.800</b>	
			.....					
11/12	HD489	11/12	Bán 250 tấn xi măng PCB30	51121 3331	162.500.000 16.250.000		583.515.300 599.765.300	
			.....					
26/12	HD822	26/12	Bán 300 tấn xi măng PCB30	51121 3331	195.000.000 19.500.000		603.615.800 623.115.800	
27/12	HD823	27/12	Bán 500m <sup>3</sup> đá 1x2	51122 3331	45.000.000 4.500.000		668.115.800 672.615.800	
31/12	UT225	31/12	Công ty TNHH Anh Tùng trả 180.000.000 bằng chuyển khoản	1121		180.000.000	492.615.800	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>651.500.000</b>	<b>459.900.000</b>		
			<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b>492.615.800</b>	

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

➤ **Ý kiến 7: Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Trong thời gian qua khi thị trường nguyên vật liệu xây dựng có những biến động, giá xi măng giảm gây ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân. Thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp Công ty bù đắp các khoản thiệt hại xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa bị giảm giá. Để thực hiện được giải pháp này thì doanh nghiệp cần thực hiện một số nội dung sau:

*Điều kiện lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Cuối niên độ kế toán (31/12), nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc, thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá HTK được thực hiện đối với từng loại HTK.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy.

Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu, CCDC mà giá thành sản xuất của sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo lên cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu, CCDC được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

*Phương pháp xác định mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Mức dự phòng cần lập cho HTK i năm N+1	=	Lượng vật tư hàng hóa thực tế tồn kho ngày 31/12/N	x	Giá gốc của HTK i ghi sổ kế toán ngày 31/12/N	-	Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK i ngày 31/12/N
Giá trị thuần có thể thực hiện được	=	Giá bán ước tính của HTK trong kỳ	-	Chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm	-	Chi phí ước tính cho việc tiêu thụ sản phẩm

*Phương pháp hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Tại ngày 31/12/N kế toán tính toán và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho năm N+1

Nợ TK 632

Có TK 159

Trong kỳ kế toán năm N+1 phát sinh tổn thất thực tế về giảm giá hàng tồn kho, căn cứ vào biên bản xử lý kế toán ghi:

Nợ TK 159: Phần tổn thất thực tế trừ vào dự phòng

Nợ TK 632: phần tổn thất được tính vào GVHB nếu dự phòng không đủ  
hoặc chưa lập dự phòng

Có TK 152,155,156...

*Tại ngày 31/12/N+1 (thời điểm khóa sổ để lập BCTC)*

Nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập bằng số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện còn thì doanh nghiệp không phải trích lập thêm.

Nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập lớn hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện còn thì doanh nghiệp phải trích lập thêm bằng số chênh lệch đó.

Nợ TK 632

Có TK 159

Nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập nhỏ hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện còn thì doanh nghiệp phải hoàn nhập số chênh lệch đó.

Nợ TK 159

Có TK 632



Thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho giúp bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá; đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán. Giúp cho tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị biến động.

## KẾT LUẬN

Sản xuất xi măng là một ngành được nhà nước rất chú trọng đầu tư nhằm thỏa mãn nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong nước. Công ty Cổ Phần Xi măng Tân Phú Xuân đã được đầu tư xây dựng nhằm thỏa mãn nhu cầu xây dựng trong vùng và các khu vực lân cận. Để hoạt động có hiệu quả trong thời gian hiện nay và đặc biệt là hội nhập kinh tế thì việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh từ đó đưa ra chiến lược phát triển phù hợp là điều kiện không thể thiếu.

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân” đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

- **Về mặt lý luận:** Nêu được những vấn đề nhận thức về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán doanh thu, kế toán chi phí cho hàng bán ra và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Về mặt thực tế:** Đã nêu được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí cho hàng bán ra, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân năm 2009.

- **Về kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh ở Công ty, từ thực tế nắm bắt được, đối chiếu với lý luận đã học và qua tìm hiểu nghiên cứu tài liệu đã nêu ra một số**

ý kiến về hoàn thiện công tác quản lý, sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng.

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế, khoá luận không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của cô chú cán bộ Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân và các thầy cô.

**Sinh viên**

**Nguyễn Thị Mai**

**MỤC LỤC**

LỜI NÓI ĐẦU ..... 1

CHƯƠNG 1 – NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH ..... 3

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....3

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 3

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 4

1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 5

1.2. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ..... 6

1.2.1. Doanh thu và các loại doanh thu ..... 6

1.2.2. Chi phí và các loại chi phí ..... 8

1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh..... 9

1.3. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp..... 9

1.4. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ..... 11

1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu ..... 11

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng ..... 11

1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu..... 15

1.4.2. Kế toán các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh..... 18

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán ..... 18

1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng ..... 21

1.4.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp..... 22

1.4.3. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	24
1.4.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	24
1.4.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	26
1.4.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	28
1.4.4.1. Kế toán thu nhập khác.....	28
1.4.4.2. Kế toán chi phí khác.....	30
1.4.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	32
1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	35
<b>CHƯƠNG 2 – THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂN PHÚ XUÂN.....</b>	<b>36</b>
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân.....	36
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	36
2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh.....	38
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân..	40
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân..	42
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	42
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân .	45
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán.....	46
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân.....	46
2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.....	48
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân.....	48
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân.....	48
2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm hàng hóa.....	48

2.2.1.2. Các phương thức bán hàng tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân .....	48
2.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng.....	49
2.2.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ .....	53
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân .	62
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	72
2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	72
2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	78
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính .....	83
2.2.5. Kế toán thu nhập, chi phí khác.....	87
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	93
<b>CHƯƠNG 3 – HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂN PHÚ XUÂN</b> .....	<b>98</b>
3.1. Đánh giá khái quát về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân.....	98
3.1.1. Những ưu điểm.....	98
3.1.3. Một số hạn chế .....	99
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân .....	102
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	102
3.2.2. Một số nguyên tắc cơ bản để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	103
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Tân Phú Xuân.....	103
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>111</b>